

Đắk Wer, ngày 06 tháng 09 năm 2024

KẾ HOẠCH
Chăm sóc giáo dục trẻ 5 - 6 tuổi năm học 2024 - 2025

Căn cứ Kế hoạch số 06/CM-MNHHD ngày 6 tháng 9 năm 2024 của chuyên môn trường MN Hoa Hương Dương về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2024 – 2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế của tổ Lá, được sự thống nhất của 13/13 giáo viên trong tổ năm học 2024 - 2025;

Tổ Lá xây dựng Kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2024 - 2025 như sau.

MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC TỔ LÁ
LÁ ĐƠN

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển thể chất		
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	Thể hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát, bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Hô hấp: Hít vào, thở ra Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân - Co và duỗi tay, kết hợp kiễng chân, hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. Lưng, bụng, lườn: - Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.

		<ul style="list-style-type: none"> - Nghiêng người sang hai bên kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. Chân: <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Nhảy lên đưa hai chân sang ngang, nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động		
MT2	Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục qua 7 ô. - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.
MT3	Bật qua vật cản 15-20cm.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật qua vật cản cao 15-20cm.
MT4	Thực hiện vận động ném xa bằng 1 tay, 2 tay	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay.
MT5	Thực hiện vận động đi.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn). - Đi nổi bàn chân tiến lùi. - Đi thay đổi tốc độ hướng đích đặc theo hiệu lệnh.
MT6	Thực hiện vận động ném trúng đích.	<ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích nằm ngang. - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 2 tay. - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).
MT7	Thực hiện vận động bò.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m. - Bò đích đặc qua 7 điểm. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.
MT8	Thực hiện vận động tung bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ.
MT9	Bật xa tối thiểu 50(cs1)	<ul style="list-style-type: none"> - Bật xa tối thiểu 50 cm.
MT10	Nhảy xuống từ độ cao 40cm. (cs2)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy xuống từ độ cao 30cm. - Nhảy xuống từ độ cao 40cm.
MT11	Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m (cs3)	<ul style="list-style-type: none"> - Ném bóng bằng hai tay cho người đối diện. - Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m

MT12	Tự mặc và cởi quần áo. (cs5)	<ul style="list-style-type: none"> - Mặc áo đúng cách, 2 tà không bị lệch nhau. - Cài và mở được hết các cúc áo. - Tự mặc và cởi được quần áo. Để vào nơi quy định.
MT13	Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (cs9)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục về phía trước. - Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân luân phiên khi có yêu cầu. - Không dừng lại hoặc không bị ngã khi đổi chân.
MT14	Đập và bắt bóng được bằng hai tay (cs10)	<ul style="list-style-type: none"> - Đập bóng tại chỗ. - Đập và bắt bóng được bằng hai tay.
MT15	Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) (cs11)	- Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)
MT16	Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây (cs12)	- Chạy được 18 mét trong vòng 5 - 7 giây.
MT17	Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian(cs13)	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy với tốc độ chậm, đều. Phối hợp tay chân nhịp nhàng. - Chạy chậm khoảng 100-120m. - Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian.
c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt.		
MT18	Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay –mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắm. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu dây giày, quai dép, luồn, buộc dây.
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
a. Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.		

MT19	Kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hằng ngày. (cs19)	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên một số thức ăn có trong bữa ăn hàng ngày. - Phân biệt các thức ăn theo nhóm (nhóm bột đường, nhóm chất đạm, nhóm chất béo, nhóm vitamin và muối khoáng).
MT20	Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống sôi để khỏe mạnh; không uống nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì, không có lợi cho sức khỏe. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống như: Luộc, nấu cơm, kho...
b. Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT21	Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (cs15)	<p>Trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng khi tay bẩn. - Rửa tay đúng cách không làm ướt quần áo. - Rửa tay sạch bằng xà bông.
MT22	Tự rửa mặt và chải răng hằng ngày. (cs16)	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi ăn hoặc lúc ngủ dậy: - Tự chải răng rửa mặt. - Không vẩy nước ra ngoài, không làm ướt quần áo. - Rửa mặt chải răng bằng nước sạch.
MT23	Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng đánh răng. - Kỹ năng lau mặt. - Kỹ năng rửa tay bằng xà phòng. - Kỹ năng đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn để vào nơi quy định.
MT24	Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (cs18)	<ul style="list-style-type: none"> - Chải tóc, vuốt tóc khi bù rối. - Sửa lại quần áo khi bị xô xệch.
c. Có một số hành vi, thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT25	Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức	<ul style="list-style-type: none"> - Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn; mời cô mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ, vãi thức ăn.

	khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Có hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh. Vệ sinh răng miệng. Ra nắng đội mũ, đi tắt mặt áo ấm khi trời lạnh, bỏ đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp.
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.		
MT26	Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm (cs23)	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được nơi bẩn và sạch. - Phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ/ao/sông/suối/vực/ổ điện...) và không nguy hiểm. - Chơi ở nơi sạch và an toàn.
MT27	Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được 1 số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã, chảy máu.. - Biết tránh 1 số trường hợp không an toàn: - Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt rủ đi chơi. - Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn và cô giáo... - Biết địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
MT28	Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. (cs25)	<p>Khi gặp nguy hiểm: Bị đánh, bị ngã, bị thương, chảy máu, ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kêu cứu - Gọi người lớn. - Nhờ bạn gọi người lớn. - Chạy khỏi nơi nguy hiểm.
II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá khoa học		
MT29	Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung (cs92)	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên các con vật/cây gần gũi xung quanh. Tim được đặc điểm chung của 3 (hoặc 4) con vật/cây. - Đặt tên cho nhóm những con/cây này bằng từ khái quát thể hiện đặc điểm chung.

MT30	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên (cs93).	Gọi tên từng giai đoạn phát triển của đối tượng (cây/con) thể hiện trên tranh ảnh. - Sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. - Nhận ra và sắp xếp theo trình tự của sự thay đổi của cây cối, con vật, hiện tượng tự nhiên (Ví dụ: búp, lá non, lá già, lá vàng....)
MT31	Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.(cs94)	- Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của mùa đó. - Nêu được khác biệt cơ bản giữa hai mùa (hè với đông; mùa mưa với mùa khô).
MT32	Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (cs95)	- Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo. - Giải thích dự đoán của mình.
MT33	Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. (cs96)	- Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày - Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng/chất liệu của 3 (hoặc 4) đồ dùng. - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu
MT34	Hay đặt câu hỏi(cs112)	Trẻ có một trong những biểu hiện: - Hay phát biểu khi học. - Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin. - Tập trung chú ý trong khi học.
MT35	Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. (cs113)	Trẻ có một trong những biểu hiện: - Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới) - Hay hỏi về những thay đổi / mới xung quanh. - Hay đặt câu hỏi “Tại sao?” - Có thể có những hứng thú riêng (thích ô tô/ thích robot, thích búp bê...)
MT36	Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.	- Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.

MT37	Biết làm thí nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi so sánh sự phát triển.	<ul style="list-style-type: none"> + Làm thí nghiệm đơn giản để tìm hiểu đặc điểm, tính chất của một vài sự vật hiện tượng gần gũi: trứng chìm trứng nổi, sự bốc hơi của nước.... + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. + Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo.
2. Khám phá xã hội		
MT38	Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (cs98)	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống; Sản phẩm của nghề đó, công cụ để làm nghề đó. Ví dụ: Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới.
MT39	Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường/thôn, xóm) số điện thoại. - Nói tên địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp. - Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường.
MT40	Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. VD: ngày 20/11, ngày quốc khánh (2- 9), các gia đình đều phải treo cờ, các con được nghỉ học...Ngày 15/ 8 âm lịch là ngày tết trung thu các em thiếu nhi được xem múa lân, được đi rước đèn, phá cỗ... - Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.

3. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
MT41	So sánh, sắp xếp theo quy tắc.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. -Tạo ra quy tắc sắp xếp.
MT42	Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Gộp / tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại...)
MT43	Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo (cs106)	- Đặt thước đo liên tiếp. - Nói đúng kết quả đo (Ví dụ bằng, 5 bước chân, 4 cái thước)
MT44	So sánh hai đối tượng.	- Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.
MT45	Chỉ khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu. (cs107)	- Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc / kích thước khác nhau khi nghe gọi tên. - Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình hình học theo yêu cầu (ví dụ: Quả bóng có dạng hình cầu, cái tủ hình khối chữ nhật v..v..)
MT46	Xác định vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác. (cs108)	- Nói được vị trí của 1 vật so với 1 vật khác trong không gian. (ví dụ: Cái tủ ở bên phải cái bàn, cái ảnh ở bên trái cái bàn v..v..) - Nói được vị trí của các bạn so với nhau khi xếp hàng tập thể dục (ví dụ: Bạn Nam đứng ở bên trái bạn Lan và bên phải bạn Tuấn v..v..) - Đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu (Ví dụ: Đặt búp bê lên trên giá đồ chơi, đặt quả bóng ở bên phải của búp bê...)
MT47	Nhận ra quy tắc sắp	- Nhận ra quy luật sắp xếp (hình ảnh, âm thanh,

	xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc (cs116)	vận động...) - Tiếp tục đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại. - Nói tại sao lại sắp xếp như vậy.
MT48	Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát. (cs117)	- Dựa trên bài hát / câu chuyện quen thuộc thay 1 từ hoặc 1 cụm từ (Ví dụ: Hát “Mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”).
MT49	Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. (cs118)	- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ. - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác. - Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác các bạn.
MT50	Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. (cs119)	- Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi. - Xây dựng các “công trình” từ những khối xây dựng khác nhau. - Có những vận động minh họa/múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô....

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

1. Nghe hiểu lời nói - Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày – Làm quen với việc đọc- viết

MT51	Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.(cs61)	- Nhận ra thái độ khác nhau (âu yếm, vui vẻ hoặc cáu giận) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện. - Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại một sự kiện. - Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói.
MT52	Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản,	- Kể được tên các loại vật nuôi trong gia đình, các loại rau, các loại quả,.. khi có yêu cầu. - Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ

	gân gũi;(cs63)	<p>vật) sau khi được xem tranh vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) nào đó. Ví dụ:</p> <p>Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, tách (li/ chén) và chỉ vào các đồ vật đó, nói: “Đây là cái cốc, ca, tách (li/ chén. Tất cả được gọi chung là đồ dùng để uống.”; Sau đó hỏi trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con cá, con cua, con ốc được gọi chung là gì?. - Quả cam, quả chuối, quả đu đủ được gọi chung là gì?. - Con chó, con mèo, con gà được gọi chung là gì?. - Cái bút, quyển sách, cái cặp được gọi chung là gì?.” - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác. (Chó là một con vật có bốn chân)..
MT53	Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.(cs64)	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên, hành động của các nhân vật, tình huống trong câu chuyện - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Thể hiện sự hiểu biết về nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao... đã nghe biểu hiện qua khả năng phản ứng phù hợp với các câu hỏi của giáo viên và qua các hoạt động vẽ, đúng kịch, hát, vận động và kể lại chuyện theo đúng trình tự...
MT54	Nói rõ ràng. (cs65)	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng và rõ ràng. - Diễn đạt ý tưởng; trả lời được theo ý của câu hỏi -Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.
MT55	Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. (cs67)	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nhiều danh từ, tính từ hay liên từ...khác nhau, những từ thông dụng và các loại câu đơn và câu đơn mở rộng để diễn đạt ý.

		<ul style="list-style-type: none"> - Dùng các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh (câu nếu... thì...; bởi vì...; tại vì...;) trong giao tiếp hàng ngày. - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi (để làm gì? Tại sao? Vì sao?...) - Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân, mục đích, so sánh, phân loại...
MT56	Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (cs68)	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể dùng nhiều phương tiện khác nhau như từ, các loại câu, hình ảnh, chữ viết, âm nhạc, vận động và hành động để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của mình rõ ràng, mạch lạc để người khác hiểu được ý của bản thân.. - Có thể dùng ngôn ngữ để tự diễn đạt và cố gắng làm cho người khác hiểu được cảm xúc của bản thân. - Đưa ra được những gợi ý, tham gia thoả thuận, trao đổi, hợp tác, chỉ dẫn bạn bè và người khác. - Khi nói, trẻ biết sử dụng sự diễn đạt thích hợp (cười, cau mày...), những cử chỉ đơn giản (vỗ tay, gật đầu...) để diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ của bản thân.
MT57	Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. (cs69)	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi bằng lời nói để thống nhất đề xuất trong suốt cuộc chơi với bạn .(VD: trao đổi để đi đến quyết định xây dựng một công viên bằng các hình khối,hoặc chuyển đổi vai chơi...) - Hướng dẫn bạn đang cố gắng giải quyết một vấn đề nào đó VD: hướng dẫn bạn xếp hình trong nhóm chơi hay lựa chọn màu bút chì để tô các chi tiết của bức tranh. - Hợp tác trong quá trình hoạt động, các ý kiến không áp đặt hoặc dùng vũ lực bắt bạn phải thực hiện theo ý mình.

MT58	Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được. (cs70)	<ul style="list-style-type: none"> - Nói đầy đủ tình tiết sự việc theo trình tự lôgic nhất định. - Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh. - Miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân.
MT59	Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (cs71)	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại chuyện đã được nghe cho bố mẹ hoặc bạn và vào các trang của chuyện theo đúng trình tự. - Trẻ hiểu được các yếu tố của một câu chuyện như các nhân vật, thời gian, địa điểm, phần kết và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc chuyện đó. - Thích thú sáng tạo chuyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.
MT60	Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. (cs72)	<ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh. - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (nói một câu hoặc hỏi câu hỏi). - Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ và hợp tác với bạn bè.
MT61	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. (cs73)	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, nơi công cộng, khi người khác đang làm việc. Không nói to, vui đùa khi có người buồn, bị mệt - Trẻ nói với một giọng điệu và tốc độ thích hợp, giao tiếp và đàm thoại với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện.
MT62	Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. (cs74)	<ul style="list-style-type: none"> - Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt.

		<ul style="list-style-type: none"> - Khi nghe kể chuyện, trẻ có thể lắng nghe người kể một cách chăm chú và yên lặng trong một khoảng thời gian. - Trẻ rất chú ý lắng nghe người nói và phản ứng lại bằng nụ cười, gật đầu như dấu hiệu của sự hiểu biết.
MT63	Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện. (cs75)	<ul style="list-style-type: none"> - Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác... - Trẻ thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong.
MT64	Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (cs76)	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng câu hỏi để hỏi lại. Tại sao? Như thế nào? Nghĩa là gì?... - Có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu. - Nhún vai, nghiêng đầu, nhíu mày... ý muốn làm rõ một thông tin khi mà không hiểu.
MT65	Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. (cs77)	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như: tạm biệt, xin chào, cảm ơn....
MT66	Không nói tục chửi bậy. (cs78)	<ul style="list-style-type: none"> - Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào.
MT67	Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (cs79)	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách. - Thường xuyên bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe,.. - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp. - Chú ý đến hành động viết của người lớn (hỏi khi thấy người lớn viết). - Quan tâm, hỏi về chữ viết trong sách, báo, hàng hoá, bảng biểu... và cố gắng tìm kiếm thông tin về nghĩa của chữ viết ở xung quanh.

		<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến việc viết, thích sao chép lại những câu và những từ vựng đơn giản; Trẻ thích sử dụng các dụng cụ viết, vẽ để viết vào giấy một cách thoải mái.
MT68	Thể hiện sự thích thú với sách. (cs80)	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện, ‘làm sách’,... - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể chuyện theo sách ở lớp (VD: Khi người lớn bắt đầu đọc sách, trẻ có thể tạm dừng việc khác và vui thích tham gia vào hoạt động đọc sách cùng người lớn. - Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách, đọc, kể chuyện. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe đọc.
MT69	Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (cs81)	<ul style="list-style-type: none"> - Để sách đúng nơi qui định. - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngòi, dẫm,.. lên sách. - Có thái độ tốt đối với sách. (Buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...)
MT70	Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. (cs86)	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói. - Hiểu rằng chữ viết có một ý nghĩa nào đấy, con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau (VD: khi mẹ nhận được thiệp chúc mừng năm mới, trẻ hỏi “Thiệp viết gì đấy”). - Hiểu rằng chữ viết thể hiện các từ, câu của lời nói, một từ nói ra có thể viết được bằng ký hiệu chữ viết. - Nhận biết được từ trong văn bản, các từ cách nhau một khoảng trống.
MT71	Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các

	<p>nghiệm của bản thân. (cs87)</p>	<p>ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ. - Thể hiện sự cố gắng tự mình viết ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng, những hình mẫu ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân.
MT72	<p>Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. (cs88)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cầm bút viết và ngồi viết đúng cách. - Biết sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các ký hiệu biểu đạt ý tưởng hay một thông tin nào đấy. Nói cho người khác biết ý nghĩa của các ký hiệu đó. - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày.
MT73	<p>Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình. (cs89)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động - Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ. - Sau khi vẽ tranh, viết tên của mình phía dưới theo cách mà mình thích (bằng chữ in, bằng chữ thường viết đầy đủ hoặc chỉ có một chữ cái đầu hoặc trang trí vào tên của mình khi viết ra...
MT74	<p>Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. (cs90)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được tiếng trong trang sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. - Lấy một quyển sách và yêu cầu trẻ chỉ xem câu chuyện được bắt đầu từ đâu. Trẻ chỉ vào sách từ trên xuống dưới, từ trái qua phải và lật giở các trang từ phải qua trái.
MT75	<p>Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (cs91)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hàng ngày. - Nhận được một số chữ cái trên các bảng hiệu cửa hàng. - Biết rằng mỗi chữ cái có tên, hình dạng và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các

		âm đó. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT76	Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình(cs27)	- Nói được những thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như: + Họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình. + Địa chỉ nhà (số nhà, tên phố/ làng xóm). + Số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ (nếu có)... + Biết mình là con, anh chị em trong gia đình.
MT77	Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. (cs 28)	- Biết chọn và giải thích được lí do chọn trang phục phù hợp với thời tiết: (Nóng, lạnh, khi trời mưa...) - Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy. - Bạn trai sẵn sàng giúp đỡ bạn gái trong những việc nặng hơn khi được đề nghị.
MT78	Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. (cs29)	- Kể được những việc mà mình có thể làm được, không thể làm được và giải thích được lí do (ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia, nhưng con không thể bê được cái bàn này vì nó nặng lắm/ vì con còn bé quá.....) - Nói được sở thích của bản thân: VD. Con thích chơi bán hàng, thích đá bóng thích nghe kể chuyện...
MT79	Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân. (cs30)	- Nêu hoặc chọn lựa được các trò chơi, hoạt động mà mình thích (ví dụ: nêu trò chơi hay hoạt động mà mình thích khi được hỏi, ...)
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT80	Cố gắng thực hiện công việc đến cùng. (cs31)	- Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối. - Nhanh chóng triển khai công việc. - Không tỏ ra chán nản, phân tán trong quá

		<p>trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố gắng hoàn thành công việc được giao.
MT81	<p>Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. (cs32)</p>	<p>Trẻ có biểu hiện một trong những dấu hiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi làm xong một sản phẩm, trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía, nâng niu, vuốt ve. - Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác. - Cát cẩn thận sản phẩm.
MT82	<p>Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày.(cs33)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tự thực hiện hoạt động mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người lớn: + Tự cất dọn đồ chơi sau khi chơi. + Tự rửa tay trước khi ăn. + Tự treo, gấp khăn, gấp áo quần. + Tự chuẩn bị đồ dùng/ đồ chơi cần thiết cho hoạt động. + Tự xem bảng phân công trực nhật và thực hiện cùng các bạn.
MT83	<p>Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. (cs34)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu ý kiến hoặc trả lời các câu hỏi của người khác một cách tự tin, rõ ràng, tự nhiên, lưu loát, không sợ sệt, rụt rè, e ngại.
<p>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.</p>		
MT84	<p>Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt. (cs36)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: <p>Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ .</p>
MT85	<p>Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. (cs37)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ. - Chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật. - Hoan hô, cổ vũ... khi bạn chiến thắng trong cuộc thi nào đó
MT86	<p>Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp. (cs38)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được cái đẹp. - Thể hiện sự thích thú như reo hò, khen ngợi, xuýt xoa, ngắm nghía trước cái đẹp.

MT87	Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc. (cs39)	<ul style="list-style-type: none"> - Thích chăm sóc cây hàng ngày, luôn quan tâm theo dõi đến sự phát triển của cây. - Vui vẻ nhận công việc tưới cây, cho con vật thân thuộc ăn .
MT88	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. (cs40)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người khác đang nghỉ hay bị ốm - Giữ thái độ chú ý trong giờ học. - Vui vẻ, hào hứng đối với các sự kiện tổ chức ở nhà và trường: sinh nhật, ngày hội... - Buồn khi phải chia tay với bạn bè, cô giáo khi ra trường.
MT89	Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. (cs41)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,...) với sự giúp đỡ của người lớn. - Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực (khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hàng ngày.
MT90	Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi. (cs42)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm. - Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. - Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái.
MT91	Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi. (cs43)	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động đến nói chuyện. - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi.
MT92	Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. (cs44)	<ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện cho bạn về chuyện vui, buồn của mình. - Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.
MT93	Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. (cs45)	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động giúp bạn khi nhìn thấy bạn cần sự giúp đỡ. - Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.
MT94	Có nhóm bạn chơi thường xuyên. (cs46)	<ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau.

MT95	Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (cs47)	<ul style="list-style-type: none"> - Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt. - Không chen ngang, không xô đẩy người khác. - Không tranh giành suất của bạn khác. - Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
MT96	Lắng nghe ý kiến của người khác. (cs48)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết lắng nghe ý kiến của bạn: (Nhìn bạn khi giao tiếp, không cắt ngang lời khi bạn đang nói).
MT97	Trao đổi ý kiến của mình với các bạn (cs49)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn. - Biết dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ. - Biết thoả thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn.
MT98	Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè. (cs50)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn (trước tiên là dùng lời, sau đó là nhờ sự can thiệp của người khác hoặc chấp nhận sự thoả hiệp). - Đoàn kết với bạn bè .Không đánh bạn, không dành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ.
MT99	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (cs51)	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. - Nhận và thực hiện vai của mình trong trò chơi cùng nhóm.
MT 100	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (cs52)	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. - Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột.
MT 101	- Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác (cs53)	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác. - Giải thích được phản ứng của bản thân đối với cảm xúc hoặc hành vi của bạn khác (con cho bạn ấy con khủng long vì con thấy bạn ấy buồn). - Đoán được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây ra phản ứng như thế nào.

MT 102	Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (cs54)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết và thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày: Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn mà không phải nhắc nhở; Nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng đến người khác.
MT 103	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. (cs55)	<ul style="list-style-type: none"> - Tự đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn - Biết tìm sự hỗ trợ từ những người lớn trong cộng đồng (cô giáo, bác bảo vệ, bác hàng xóm, bác bán hàng...). - Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ đến sự giúp đỡ của người lớn. - Hỏi người lớn trước khi vi phạm các quy định chung.
MT 104	Nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. (cs56)	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử với môi trường xung quanh.
MT 105	Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. (cs57)	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện các hành vi đúng đối với MTXQ trong sinh hoạt hàng ngày như: <ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn vệ sinh trong lớp, trong nhà trường, ngoài đường. - Không ngắt lá bẻ cành, dẫm đạp lên cây hoa. - Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.
MT 106	Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân. (cs58)	<ul style="list-style-type: none"> - Nói đúng khả năng của một số người gần gũi (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khỏe; mẹ nấu ăn rất ngon.....).

MT 107	Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình. (cs59)	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác (sở thích về món ăn, sở thích về các đồ chơi, trò chơi,...). - Không chê bai bạn về: sản phẩm hoạt động hoặc quần áo, đồ dùng của bạn,... - Nhận ra rằng mọi người có thể sử dụng các từ khác nhau để chỉ cùng một vật (ví dụ như từ Mẹ ở các địa phương hoặc nơi có các dân tộc khác nhau)
MT 108	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ.	<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử (chỗ ở, nơi làm việc của Bác...) - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT 109	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nói lời cảm ơn khi được người khác cho quà, biết nói lời xin lỗi khi mình mắc lỗi, biết sử dụng từ ngữ và cử chỉ lễ phép với người lớn.
MT 110	Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi chơi biết cất đồ dùng vào nơi quy định, không làm ồn ào nơi công cộng, vâng lời ông bà bố mẹ, anh chị đi chơi phải xin phép. - Treo, gấp khăn, gấp áo quần đúng nơi quy định. - Xếp bàn ghế đúng nơi quy định - Để giày dép đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định
V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, và các tác phẩm nghệ thuật.		
MT 111	Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.	<ul style="list-style-type: none"> - Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc

		(hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện - Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình.
MT 112	Tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ.(cs 6)	- Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Tô màu đều, không chừa ra ngoài nét vẽ.
MT 113	Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.(cs 7)	- Cắt được hình, không bị rách. - Đường cắt lượn sát theo nét vẽ. - Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.
MT 114	Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn. (cs8)	- Bôi hồ đều, - Các chi tiết không chồng lên nhau. - Dán hình vào bức tranh phẳng phiu.
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc, hoạt động tạo hình.		
MT 115	Có một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... - Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). - Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		
MT 116	- Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc. (cs99)	- Nghe bản nhạc/ bài hát vui hay buồn gần gũi và nhận ra được bản nhạc/ bài hát nào là vui hoặc buồn.
MT 117	Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em. (cs100)	- Hát đúng giai điệu của một số bài hát mà trẻ em đã được học.
MT 118	Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (cs101)	- Thể hiện nét mặt, vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc

MT 119	Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. (cs102)	- Sử dụng nhiều loại vật liệu để làm ra 1 loại sản phẩm
MT 120	Nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (cs103)	- Đặt tên cho sản phẩm - Trả lời được câu hỏi con vẽ / nặn / xé dán cái gì? Tại sao con làm như thế?

LÁ GHEP 2 ĐỘ TUỔI

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển thể chất		
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	4 tuổi: Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Hô hấp: Hít vào, thở ra Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân - Co và duỗi tay, kết hợp kiễng chân, hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. Lưng, bụng, lườn: - Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. - Nghiêng người sang hai bên kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. Chân: - Đưa ra trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Nhảy lên đưa hai chân sang ngang, nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
	5 tuổi: Thể hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát, bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	
b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
MT2	4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh,	- Bật liên tục về phía trước.

	khéo trong thực hiện bài tập bật. 5 tuổi: Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.	- Bật khép chân qua 5- 7 ô. - Bật tách chân, khép chân qua 5- 7 ô.
MT3	4 tuổi: Bật qua vật cản 10-15cm. 5 tuổi: Bật qua vật cản 15-20cm.	- Bật qua vật cản 10-15cm. - Bật qua vật cản cao 15-20cm.
MT4	4 tuổi: Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. 5 tuổi: Thực hiện vận động ném xa bằng 1 tay, 2 tay	- Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay.
MT5	4 tuổi: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi. 5 tuổi: Thực hiện vận động đi.	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn). - Đi nổi bàn chân tiến lùi. - Đi thay đổi tốc độ hướng đích đặc theo hiệu lệnh.
MT6	4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném. 5 tuổi: Thực hiện vận động ném trúng đích	- Ném trúng đích nằm ngang. - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 2 tay. - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).
MT7	4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bò. 5 tuổi: Thực hiện vận động bò.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m. - Bò đích đặc qua 7 điểm. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.-
MT8	4 tuổi: Phối hợp tay- mắt trong vận động tung bắt bóng. 5 tuổi: Thực hiện vận động tung bóng.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Chuyển và bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT9	4 tuổi: Bật xa 35 - 40cm. 5 tuổi: Bật xa tối thiểu 50(cs1)	- Bật xa 35 - 40cm. - Bật xa tối thiểu 50 cm.
MT10	4 tuổi: Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 35 cm). 5 tuổi: Nhảy xuống từ độ cao 40cm. (cs2)	- Nhảy xuống từ độ cao 30-35cm. - Nhảy xuống từ độ cao 40cm.
MT11	4 tuổi: Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 2-3m 5 tuổi: Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m (cs3)	- Ném bóng bằng hai tay cho người đối diện. - Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 3- 4m

MT12	4 tuổi: Tự cài, cởi cúc quần áo	<ul style="list-style-type: none"> - Mặc áo đúng cách, 2 tà không bị lệch nhau. - Cài và mở được hết các cúc áo. - Tự mặc và cởi được quần áo. Để vào nơi quy định.
	5 tuổi: Tự mặc và cởi quần áo. (cs5)	
MT13	4 tuổi: Nhảy lò cò 3m.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò 3m. - Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục về phía trước. - Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân luân phiên khi có yêu cầu. - Không dừng lại hoặc không bị ngã khi đổi chân.
	5 tuổi: Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (cs9)	
MT14	4 tuổi: Đập bóng tại chỗ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đập bóng tại chỗ. - Đập và bắt bóng được bằng hai tay.
	5 tuổi: Đập và bắt bóng được bằng hai tay (cs10)	
MT15	4 tuổi: Đi trên ghế thể dục	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên ghế thể dục - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)
	5 tuổi: Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) (cs11)	
MT16	4 tuổi: Chạy 15m trong 10 giây.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15- 18 mét trong vòng 10 giây - Chạy được 18 mét trong vòng 5 - 7 giây.
	5 tuổi: Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây (cs12)	
MT17	4 tuổi: Chạy chậm 60- 80 m.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy với tốc độ chậm, đều. Phối hợp tay chân nhịp nhàng. - Chạy chậm khoảng 60-120m. - Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian.
	5 tuổi: Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian(cs13)	
c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt.		
MT18	4 tuổi: Thực hiện được các vận động: Cuộn, xoay tròn cổ tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mớ
	5 tuổi: Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay –mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.	

		tuya) khâu dây giày, quai dép, luồn, buộc dây.
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
a. Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.		
MT19	4 tuổi: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Biết tên một số món ăn hàng ngày, kể được tên một số thức ăn có trong bữa ăn hàng ngày.
	5 tuổi: Kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. (cs19)	- Phân biệt các thức ăn theo nhóm (nhóm bột đường, nhóm chất đạm, nhóm chất béo, nhóm vitamin và muối khoáng).
MT20	4 tuổi: Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm.	- Trẻ biết một số nhóm thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá, trứng có nhiều chất đạm - Rau, quả chín có nhiều vitamin...
	5 tuổi: Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống sôi để khỏe mạnh; không uống nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì, không có lợi cho sức khỏe. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống như: Luộc, nấu cơm, kho...
b. Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.		
MT 21	4 tuổi: Tự rửa tay bằng xà phòng	Trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh:
	5 tuổi: Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (cs15)	- Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng khi tay bẩn. - Rửa tay đúng cách không làm ướt quần áo.- Rửa tay sạch bằng xà bông.
MT22	4 tuổi: Tập đánh răng, lau mặt.	- Sau khi ăn hoặc lúc ngủ dậy:
	5 tuổi: Tự rửa mặt và chải răng hàng ngày. (cs16)	- Tự chải răng rửa mặt. - Không vẩy nước ra ngoài, không làm ướt quần áo.

		- Rửa mặt chải răng bằng nước sạch.
MT23	4 tuổi: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Tập luyện kỹ năng đánh răng. - Kỹ năng lau mặt. - Kỹ năng rửa tay bằng xà phòng.
	5 tuổi: Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.	- Kỹ năng đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bản để vào nơi quy định.
MT24	4 tuổi: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.	- Chải tóc, vuốt tóc khi bù rối. - Sửa lại quần áo khi bị xô xệch.
	5 tuổi: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (cs18)	
c. Có một số hành vi, thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT25	4 tuổi: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Có một số hành vi và thói quen tốt mời cô mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ,
	5 tuổi: Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.	- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Có hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh. Vệ sinh răng miệng. Ra nắng đội mũ, đi tắt mặt áo ấm khi trời lạnh, bỏ đúng nơi quy định, không nhỏ bậy ra lớp.
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.		
MT26	4 tuổi: Biết tránh một số nơi nguy hiểm.	- Phân biệt được nơi bẩn và sạch. - Phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ / ao / sông / suối/ vực/ ổ điện...) và không nguy hiểm.
	5 tuổi: Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm (cs23)	- Chơi ở nơi sạch và an toàn.
MT27	4 tuổi: Biết tránh một số trường hợp không an toàn.	- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã, chảy máu..
	5 tuổi: Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.	- Biết tránh 1 số trường hợp không an toàn: - Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh,

		<p>uống nước ngọt rủ đi chơi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn và cô giáo... - Biết địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
MT28	<p>4 tuổi: Nhận biết được 1 số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục cho trẻ không uống nước lã ảnh hưởng đến sức khỏe (đau bụng, ỉa chảy). Uống nước đã đun sôi để nguội... - Không ăn các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi/chua/có màu lạ. Ví dụ các thức ăn ôi thiu, rau quả khi chưa rửa sạch...
	<p>5 tuổi: Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. (cs25)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục trẻ không nên ăn quá nhiều bánh kẹo, nước uống có ga. - Nhận biết được 1 số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: Khi gặp nguy hiểm: Bị đánh, bị ngã, bị thương, chảy máu, ... - Kêu cứu, Gọi người lớn. - Nhờ bạn gọi người lớn. - Chạy khỏi nơi nguy hiểm.
II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá khoa học		
MT29	<p>4 tuổi: Đặc điểm bên ngoài của cây cối, con vật, hoa, quả gần gũi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên các con vật/cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung của 3 (hoặc 4) con vật/cây.
	<p>5 tuổi: Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung (cs92)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt tên cho nhóm những con/cây này bằng từ khái quát thể hiện đặc điểm chung
MT30	<p>4 tuổi: Biết được sự lớn lên của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên</p>	<p>Gọi tên từng giai đoạn phát triển của đối tượng (cây/con) thể hiện trên tranh ảnh.</p>
	<p>5 tuổi: Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển.

	vật và một số hiện tượng tự nhiên (cs93).	- Nhận ra và sắp xếp theo trình tự của sự thay đổi của cây cối, con vật, hiện tượng tự nhiên (Ví dụ: búp, lá non, lá già, lá vàng....
MT31	4 tuổi: Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt nơi trẻ sống	- Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của mùa đó. - Nêu được khác biệt cơ bản giữa hai mùa (hè với đông; mùa mưa với mùa khô).
	5 tuổi: Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.(cs94)	
MT32	4 tuổi: Nói được đặc điểm của một số hiện tượng tự nhiên đơn giản	- Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo. - Giải thích dự đoán của mình.
	5 tuổi: Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (cs95)	
MT33	4 tuổi: Phân loại được đồ dùng, đồ chơi theo 1- 2 dấu hiệu	- Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày
	5 tuổi: Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. (cs96)	- Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng/chất liệu của 3 (hoặc 4) đồ dùng. - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu
MT34	4 tuổi: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo.	Trẻ có một trong những biểu hiện: - Hay phát biểu khi học. - Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin.
	5 tuổi: Hay đặt câu hỏi(cs112)	- Tập trung chú ý trong khi học.
MT35	4 tuổi: Trẻ biết một số sự vật hiện tượng xung quanh quen thuộc	Trẻ có một trong những biểu hiện: - Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới)
	5 tuổi: Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. (cs113)	- Hay hỏi về những thay đổi / mới xung quanh. - Hay đặt câu hỏi “Tại sao?” - Có thể có những hứng thú riêng (thích ô tô/thích robot, thích búp bê...)

MT36	4 tuổi: Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.	- Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.
	5 tuổi: Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.	- Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.
MT37	4 tuổi: Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	+ Làm thí nghiệm đơn giản để tìm hiểu đặc điểm, tính chất của một vài sự vật hiện tượng gần gũi: trứng chìm trứng nổi, sự bốc hơi của nước.... + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
	5 tuổi: Biết làm thí nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi so sánh sự phát triển.	+ Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo.
2. Khám phá xã hội		
MT38	4 tuổi: Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm ích lợi của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống; Sản phẩm của nghề đó, công cụ để làm nghề đó. Ví dụ: Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới.
	5 tuổi: Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (cs98)	
MT39	4 tuổi: Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng khi được hỏi, trò chuyện	- Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
	5 tuổi: Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.	- Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường/thôn, xóm) số điện thoại. - Nói tên địa chỉ và mô tả một số đặc

		điểm nổi bật của trường, lớp. - Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường.
MT40	4 tuổi: Nhận biết một số lễ hội, cờ tổ quốc và danh lam thắng cảnh ở địa phương .	- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. VD: ngày quốc khánh (2- 9) các gia đình đều phải treo cờ, các con được nghỉ học... Ngày 15/8 âm lịch là ngày tết trung thu các em thiếu nhi được xem múa lân, được đi rước đèn, phá cỗ... - Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.
	5 tuổi: Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.	
3. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
MT41	4 tuổi: So sánh, sắp xếp theo quy tắc.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.
	5 tuổi: So sánh, sắp xếp theo quy tắc.	
MT42	4 tuổi: Đếm trên đối tượng phạm vi 10	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Gộp / tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại...)
	5 tuổi: Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.	
MT43	4 tuổi: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đặt thước đo liên tiếp. - Nói đúng kết quả đo (Ví dụ bằng, 5 bước chân, 4 cái thước)
	5 tuổi: Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo (cs106)	
MT44	4 tuổi: So sánh hai đối tượng.	- Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.
	5 tuổi: So sánh hai đối tượng.	

MT45	4 tuổi: Trẻ chỉ ra được các khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật theo sự hướng dẫn của cô	- Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc / kích thước khác nhau khi nghe gọi tên.
	5 tuổi: Chỉ khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu. (cs107)	- Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình học theo yêu cầu (ví dụ: Quả bóng có dạng hình cầu, cái tủ hình khối chữ nhật v..v..)
MT46	4 tuổi: Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới phía phải - phía trái)	- Nói được vị trí của 1 vật so với 1 vật khác trong không gian. (ví dụ: Cái tủ ở bên phải cái bàn, cái ảnh ở bên trái cái bàn v..v..) - Nói được vị trí của các bạn so với nhau khi xếp hàng tập thể dục (ví dụ: Bạn Nam đứng ở bên trái bạn Lan và bên phải bạn Tuấn v..v..)
	5 tuổi: Xác định vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác. (cs108)	- Đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu (Ví dụ: Đặt búp bê lên trên giá đồ chơi, đặt quả bóng bên phải của búp bê...)
MT47	4 tuổi: Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại	- Nhận ra quy luật sắp xếp (hình ảnh, âm thanh, vận động...) - Tiếp tục đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại.
	5 tuổi: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc (cs116)	- Nói tại sao lại sắp xếp như vậy.
MT48	4 tuổi: Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát.	- Dựa trên bài hát / câu chuyện quen thuộc thay 1 từ hoặc 1 cụm từ (Ví dụ: Hát “Mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”).
	5 tuổi: Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát. (cs117)	
MT49	4 tuổi: Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình.	- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ.
	5 tuổi: Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. (cs118)	- Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác. - Thực hiện cùng nhiệm vụ như các

		bạn nhưng theo cách khác các bạn.
MT50	4 tuổi: Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động	- Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi.
	5 tuổi: Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. (cs119)	- Xây dựng các “công trình” từ những khối xây dựng khác nhau. - Có những vận động minh hoạ / múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô....
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói - Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày – Làm quen với việc đọc- viết		
MT51	4 tuổi: Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Nhận ra thái độ khác nhau (âu yếm, vui vẻ hoặc cáu giận) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói.
	5 tuổi: Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi. (cs61)	- Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện. - Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại một sự kiện. - Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói.
MT52	4 tuổi: Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật,...	- Kể được tên các loại vật nuôi trong gia đình, các loại rau, các loại quả,.. khi có yêu cầu.
	5 tuổi: Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi. (cs63)	- Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem tranh vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) nào đó. Ví dụ: Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, tách (li/ chén) và chỉ vào các đồ vật đó, nói: “Đây là cái cốc, ca, tách (li/ chén. Tất cả được gọi chung là đồ dùng để

		<p>uống.”; Sau đó hỏi trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con cá, con cua, con ốc được gọi chung là gì?. - Quả cam, quả chuối, quả đu đủ được gọi chung là gì?. - Con chó, con mèo, con gà được gọi chung là gì?. - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác. (Chó là một con vật có bốn chân)..
MT53	4 tuổi: Nghe hiểu nội dung truyện kể, đọc truyện phù hợp với độ tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên, hành động của các nhân vật, tình huống trong câu chuyện - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Thể hiện sự hiểu biết về nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao... đã nghe biểu hiện qua khả năng phản ứng phù hợp với các câu hỏi của giáo viên và qua các hoạt động vẽ, đóng kịch, hát, vận động và kể lại chuyện theo đúng trình tự...
	5 tuổi: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.(cs64)	
MT54	4 tuổi: Nói rõ để người nghe hiểu được.	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng và rõ ràng. - Diễn đạt ý tưởng; trả lời được theo ý của câu hỏi -Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.
	5 tuổi: Nói rõ ràng. (cs65)	
MT55	4 tuổi: Sử dụng các loại câu đơn giản trong giao tiếp.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nhiều danh từ, tính từ hay liên từ...khác nhau, những từ thông dụng và các loại câu đơn và câu đơn mở rộng để diễn đạt ý. - Dùng các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh (câu nếu... thì...; bởi vì...; tại vì...;) trong giao tiếp hàng ngày. - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi (để làm gì? Tại sao? Vì sao?...)
	5 tuổi: Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. (cs67)	

		- Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân, mục đích, so sánh, phân loại...
MT56	4 tuổi: Sử dụng các loại câu đơn giản trong giao tiếp	- Trẻ có thể dùng nhiều phương tiện khác nhau như từ, các loại câu, hình ảnh, chữ viết, âm nhạc, vận động và hành động để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của mình rõ ràng, mạch lạc để người khác hiểu được ý của bản thân..
	5 tuổi: Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (cs68)	- Có thể dùng ngôn ngữ để tự diễn đạt và cố gắng làm cho người khác hiểu được cảm xúc của bản thân. - Đưa ra được những gợi ý, tham gia thoả thuận, trao đổi, hợp tác, chỉ dẫn bạn bè và người khác. - Khi nói, trẻ biết sử dụng sự diễn đạt thích hợp (cười, cau mày...), những cử chỉ đơn giản (vỗ tay, gật đầu...) để diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ của bản thân.
MT57	4 tuổi: Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.	- Trao đổi bằng lời nói để thống nhất đề xuất trong suốt cuộc chơi với bạn .(VD: trao đổi để đi đến quyết định xây dựng một công viên bằng các hình khối, hoặc chuyển đổi vai chơi...)
	5 tuổi: Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. (cs69)	- Hướng dẫn bạn đang cố gắng giải quyết một vấn đề nào đó VD: hướng dẫn bạn xếp hình trong nhóm chơi hay lựa chọn màu bút chì để tô các chi tiết của bức tranh. - Hợp tác trong quá trình hoạt động, các ý kiến không áp đặt hoặc dùng vũ lực bắt bạn phải thực hiện theo ý mình.
MT58	4 tuổi: Kể về một sự việc, hiện tượng quen thuộc để người khác hiểu được.	- Nói đầy đủ tình tiết sự việc theo trình tự lôgic nhất định. - Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về

	5 tuổi: Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được. (cs70)	<p>một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh. - Miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân.
MT59	4 tuổi: Kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại chuyện đã được nghe cho bố mẹ hoặc bạn và vào các trang của chuyên theo đúng trình tự. - Trẻ hiểu được các yếu tố của một câu chuyện như các nhân vật, thời gian, địa điểm, phần kết và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc chuyện đó. - Thích thú sáng tạo chuyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.
	5 tuổi: Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (cs71)	
MT60	4 tuổi: Tham gia vào cuộc trò chuyện	<ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh. - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (nói một câu hoặc hỏi câu hỏi). - Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ và hợp tác với bạn bè.
	5 tuổi: Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. (cs72)	
MT61	4 tuổi: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp khi có nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, nơi công cộng, khi người khác đang làm việc. Không nói to, vui đùa khi có người buồn, bị mệt - Trẻ nói với một giọng điệu và tốc độ thích hợp, giao tiếp và đàm thoại với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện.
	5 tuổi: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. (cs73)	

MT62	4 tuổi: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói.
	5 tuổi: Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. (cs74)	- Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt. - Khi nghe kể chuyện, trẻ có thể lắng nghe người kể một cách chăm chú và yên lặng trong một khoảng thời gian. - Trẻ rất chú ý lắng nghe người nói và phản ứng lại bằng nụ cười, gật đầu như dấu hiệu của sự hiểu biết.
MT63	4 tuổi: Không nói leo, không ngắt lời người khác.	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt.
	5 tuổi: Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện. (cs75)	- Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác... - Trẻ thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong.
MT64	4 tuổi: Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	- Dùng câu hỏi để hỏi lại. Tại sao? Như thế nào? Nghĩa là gì?... - Có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu.
	5 tuổi: Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (cs76)	- Nhún vai, nghiêng đầu, nhíu mày... ý muốn làm rõ một thông tin khi mà không hiểu.
MT65	4 tuổi: Sử dụng các từ lễ phép trong giao tiếp.	- Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như: tạm biệt, xin chào, cảm ơn....
	5 tuổi: Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. (cs77)	
MT66	4 tuổi: Không nói tục chửi bậy.	- Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào.
	5 tuổi: Không nói tục chửi bậy. (cs78)	
	4 tuổi: Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	- Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách. - Thường xuyên bắt chước viết hoặc

MT67	5 tuổi: Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (cs79)	<p>đề nghị người khác đọc cho nghe,..</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp. - Chú ý đến hành động viết của người lớn (hỏi khi thấy người lớn viết). - Quan tâm, hỏi về chữ viết trong sách, báo, hàng hoá, bảng biểu... và cố gắng tìm kiếm thông tin về nghĩa của chữ viết ở xung quanh. - Quan tâm đến việc viết, thích sao chép lại những câu và những từ vựng đơn giản; Trẻ thích sử dụng các dụng cụ viết, vẽ để viết vào giấy một cách thoải mái.
MT68	4 tuổi: Thể hiện sự thích thú với sách.	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện, ‘làm sách’,... - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể chuyện theo sách ở lớp (VD: Khi người lớn bắt đầu đọc sách, trẻ có thể tạm dừng việc khác và vui thích tham gia vào hoạt động đọc sách cùng người lớn. - Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách, đọc, kể chuyện. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe đọc.
	5 tuổi: Thể hiện sự thích thú với sách. (cs80)	
MT69	4 tuổi: Giữ gìn, bảo vệ sách	<ul style="list-style-type: none"> - Để sách đúng nơi qui định. - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách. - Có thái độ tốt đối với sách. (Buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy
	5 tuổi: Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (cs81)	

		sách bị hỏng, rách,...)
MT70	4 tuổi: Nhận dạng một số chữ cái.	- Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói.
	5 tuổi: Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. (cs86)	- Hiểu rằng chữ viết có một ý nghĩa nào đấy, con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau (VD: khi mẹ nhận được thiệp chúc mừng năm mới, trẻ hỏi “Thiệp viết gì đấy”). - Hiểu rằng chữ viết thể hiện các từ, câu của lời nói, một từ nói ra có thể viết được bằng ký hiệu chữ viết. - Nhận biết được từ trong văn bản, các từ cách nhau một khoảng trống.
MT71	4 tuổi: Biết dùng các ký hiệu thể hiện cảm xúc.	- Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác.
	5 tuổi: Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (cs87)	- Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ - Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ. - Thể hiện sự cố gắng tự mình viết ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng, những hình mẫu ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân.
MT72	4 tuổi: Tập tô, tập đồ các nét chữ.	- Cầm bút viết và ngồi viết đúng cách. - Biết sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các ký hiệu biểu đạt ý tưởng hay một thông tin nào đấy. Nói cho người khác biết ý nghĩa của các ký hiệu đó.
	5 tuổi: Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. (cs88)	- Bắt chước hành vi viết trong vui

		chơi và các hoạt động hàng ngày.
MT73	4 tuổi: Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ.	- Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động - Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ.
	5 tuổi: Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình. (cs89)	- Sau khi vẽ tranh, viết tên của mình phía dưới theo cách mà mình thích (bằng chữ in, bằng chữ thường viết đầy đủ hoặc chỉ có một chữ cái đầu hoặc trang trí vào tên của mình khi viết ra...
MT74	4 tuổi: Biết hướng viết đúng chiều theo thứ tự từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.	- Chỉ được tiếng trong trang sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. - Lấy một quyển sách và yêu cầu trẻ chỉ xem câu chuyện được bắt đầu từ đâu. Trẻ chỉ vào sách từ trên xuống dưới, từ trái qua phải và lật giở các trang từ phải qua trái.
	5 tuổi: Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. (cs90)	
MT75	4 tuổi: Nhận dạng một số chữ cái đơn giản.	- Nhận biết được các chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hàng ngày.
	5 tuổi: Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (cs91)	- Nhận được một số chữ cái trên các bảng hiệu cửa hàng. - Biết rằng mỗi chữ cái có tên, hình dạng và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT76	4 tuổi: Nói được một số thông tin đơn giản: tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	- Nói được những thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như: + Họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình.
	5 tuổi: Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. (cs27)	+ Địa chỉ nhà (số nhà, tên phố/ làng xóm).

		<ul style="list-style-type: none"> + Số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ (nếu có)... + Biết mình là con, anh chị em trong gia đình.
MT77	4 tuổi: Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chọn và giải thích được lí do chọn trang phục phù hợp với thời tiết: (Nóng, lạnh, khi trời mưa...) - Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy. - Bạn trai sẵn sàng giúp đỡ bạn gái trong những việc nặng hơn khi được đề nghị.
	5 tuổi: Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. (cs28)	
MT78	4 tuổi: Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được những việc mà mình có thể làm được, không thể làm được và giải thích được lí do (ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia, nhưng con không thể bê được cái bàn này vì nó nặng lắm/ vì con còn bé quá.....) - Nói được sở thích của bản thân: VD. Con thích chơi bán hàng, thích đá bóng thích nghe kể chuyện...
	5 tuổi: Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. (cs29)	
MT79	4 tuổi: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu hoặc chọn lựa được các trò chơi, hoạt động mà mình thích (ví dụ: nêu trò chơi hay hoạt động mà mình thích khi được hỏi, ...)
	5 tuổi: Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân. (cs30)	
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT80	4 tuổi: Cố gắng hoàn thành công việc được giao.	<ul style="list-style-type: none"> - Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối. - Nhanh chóng triển khai công việc. - Không tỏ ra chán nản, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao.
	5 tuổi: Cố gắng thực hiện công việc đến cùng. (cs31)	
MT81	4 tuổi: Thích thú khi làm xong sản phẩm, giữ gìn sản phẩm.	Trẻ có biểu hiện một trong những dấu hiệu:

	5 tuổi: Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. (cs32)	<ul style="list-style-type: none"> - Khi làm xong một sản phẩm, trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía, nâng niu, vuốt ve. - Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác. - Cát cẩn thận sản phẩm.
MT82	4 tuổi: Làm một số công việc tự phục vụ đơn giản hằng ngày theo các anh chị.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự thực hiện hoạt động mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người lớn:
	5 tuổi: Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày.(cs33)	<ul style="list-style-type: none"> + Tự cất dọn đồ chơi sau khi chơi. + Tự rửa tay trước khi ăn. + Tự treo, gấp khăn, gấp áo quần. + Tự chuẩn bị đồ dùng/ đồ chơi cần thiết cho hoạt động. + Tự xem bảng phân công trực nhật và thực hiện cùng các bạn.
MT83	4 tuổi: Nói để người khác hiểu được mong muốn của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu ý kiến hoặc trả lời các câu hỏi của người khác một cách tự tin, rõ ràng, tự nhiên, lưu loát, không sợ sệt, rụt rè, e ngại.
	5 tuổi: Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. (cs34)	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
MT84	4 tuổi: Biết biểu lộ một số cảm xúc : vui ,buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: <p>Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ.</p>
	5 tuổi: Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt. (cs36)	
MT85	4 tuổi: Yêu mến quan tâm đến người thân và bạn bè.	<ul style="list-style-type: none"> - An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ. - Chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật. - Hoan hô, cổ vũ... khi bạn chiến thắng trong cuộc thi nào đó.
	5 tuổi: Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. (cs37)	
MT86	4 tuổi: Nói tên các bạn, đồ dùng,	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được cái đẹp.

	đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	- Thể hiện sự thích thú như reo hò, khen ngợi, xuýt xoa, ngắm nghía trước cái đẹp.
	5 tuổi: Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp. (cs38)	
MT87	4 tuổi: Thích chăm sóc cây cối, con vật thân thuộc	- Thích chăm sóc cây hàng ngày, luôn quan tâm theo dõi đến sự phát triển của cây. - Vui vẻ nhận công việc tưới cây, cho con vật thân thuộc ăn .
	5 tuổi: Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc. (cs39)	
MT88	4 tuổi: Biết biểu lộ một số cảm xúc; vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt cử chỉ giọng nói, tranh ảnh.	- Biết nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người khác đang nghỉ hay bị ốm - Giữ thái độ chú ý trong giờ học. - Vui vẻ, hào hứng đối với các sự kiện tổ chức ở nhà và trường: sinh nhật, ngày hội... - Buồn khi phải chia tay với bạn bè, cô giáo khi ra trường.
	5 tuổi: Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. (cs40)	
MT89	4 tuổi: Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Biết trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,...) với sự giúp đỡ của người lớn. - Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực (khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hàng ngày.
	5 tuổi: Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. (cs41)	
MT90	4 tuổi: Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi.	- Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm. - Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. - Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái.
	5 tuổi: Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi. (cs42)	
MT91	4 tuổi: Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.	- Chủ động đến nói chuyện. - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi.
	5 tuổi: Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi. (cs43)	

MT92	4 tuổi: Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện cho bạn về chuyện vui, buồn của mình. - Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.
	5 tuổi: Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. (cs44)	
MT93	4 tuổi: Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động giúp bạn khi nhìn thấy bạn cần sự giúp đỡ. - Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.
	5 tuổi: Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. (cs45)	
MT94	4 tuổi: Có nhóm bạn cùng chơi	<ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau.
	5 tuổi: Có nhóm bạn chơi thường xuyên. (cs46)	
MT95	4 tuổi: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt. - Không chen ngang, không xô đẩy người khác. - Không tranh giành suất của bạn khác. - Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
	5 tuổi: Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (cs47)	
MT96	4 tuổi: Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết lắng nghe ý kiến của bạn: (Nhìn bạn khi giao tiếp, không cắt ngang lời khi bạn đang nói).
	5 tuổi: Lắng nghe ý kiến của người khác. (cs48)	
MT97	4 tuổi: Biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn. - Biết dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ. - Biết thỏa thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn.
	5 tuổi: Trao đổi ý kiến của mình với các bạn (cs49)	
MT98	4 tuổi: Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn (trước tiên là dùng lời, sau đó là nhờ sự can thiệp của người khác)
	5 tuổi: Thể hiện sự thân thiện,	

	đoàn kết với bạn bè. (cs50)	hoặc chấp nhận sự thoả hiệp). - Đoàn kết với bạn bè .Không đánh bạn, không dành giết của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ.
MT99	4 tuổi: Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.	- Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm.
	5 tuổi: Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (cs51)	- Nhận và thực hiện vai của mình trong trò chơi cùng nhóm.
MT100	4 tuổi: Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác	- Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn.
	5 tuổi: Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (cs52)	- Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột.
MT101	4 tuổi: Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.	- Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn.
	5 tuổi: Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác. (cs53)	- Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột.
MT102	4 tuổi: Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn.	- Biết và thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày: Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn mà không phải nhắc nhở; Nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng đến người khác.
	5 tuổi: Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (cs54)	
MT103	4 tuổi: Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.	- Biết và thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày: Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn mà không phải nhắc nhở; Nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng đến người khác.
	5 tuổi: Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. (cs55)	
	4 tuổi: Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa,...)	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa,...)

MT104	hái hoa,...)	- Mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử với môi trường xung quanh.
	5 tuổi: Nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. (cs56)	
MT105	Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	- Thể hiện các hành vi đúng đối với MTXQ trong sinh hoạt hàng ngày như: - Giữ gìn vệ sinh trong lớp, trong nhà trường, ngoài đường. - Không ngắt lá bẻ cành, dẫm đạp lên cây hoa. - Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.
	Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. (cs57)	
MT106	4 tuổi: Nói được một số khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.	- Nói đúng khả năng của một số người gần gũi (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khỏe; mẹ nấu ăn rất ngon.....).
	5 tuổi: Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân. (cs58)	
MT107	Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.	- Nói đúng khả năng của một số người gần gũi (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khỏe; mẹ nấu ăn rất ngon.....).
	Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình. (cs59)	
MT108	4 tuổi: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử (chỗ ở, nơi làm việc của Bác...)
	5 tuổi: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT109	4 tuổi: Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Biết nói lời cảm ơn khi được người khác cho quà, biết nói lời xin lỗi khi mình mắc lỗi, biết sử dụng từ ngữ và
	5 tuổi: Biết nói lời nói cảm ơn,	

	xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	cử chỉ lễ phép với người lớn.
MT110	4 tuổi: Thực hiện một quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	- Biết nói lời cảm ơn khi được người khác cho quà, biết nói lời xin lỗi khi mình mắc lỗi, biết sử dụng từ ngữ và cử chỉ lễ phép với người lớn.
	5 tuổi: Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	
V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, và các tác phẩm nghệ thuật.		
MT111	4 tuổi: Nhận biết và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.	- Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. - Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
	5 tuổi: Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.	
MT112	4 tuổi: Trẻ biết tô màu, không bị lem ra ngoài đường viền các hình vẽ theo hướng dẫn.	- Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Tô màu đều, không chòem ra ngoài nét vẽ.
	5 tuổi: Tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ. (cs6)	
MT113	4 tuổi: Cắt theo đường thẳng, đường cong ... và dán thành sản phẩm.	- Cắt được hình, không bị rách. - Đường cắt lượn sát theo nét vẽ. - Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.
	5 tuổi: Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn	

	giản. (cs7)	
MT114	4 tuổi: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước.	- Bôi hồ đều, - Các chi tiết không chồng lên nhau.
	5 tuổi: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn. (cs8)	- Dán hình vào bức tranh phẳng phiu.
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc, hoạt động tạo hình.		
MT115	4 tuổi: Có một số kỹ năng đơn giản trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...
	5 tuổi: Có một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.	- Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức ‘(Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). - Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. nghe có thể hiểu được.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật.		
MT116	4 tuổi: Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Nghe bản nhạc/ bài hát vui hay buồn gần gũi và nhận ra được bản nhạc/ bài hát nào là vui hoặc buồn.
	5 tuổi: Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc. (cs99)	
MT117	4 tuổi: Hát được một số giai điệu bài hát trẻ em	- Nghe bản nhạc/ bài hát vui hay buồn gần gũi và nhận ra được bản nhạc/ bài hát nào là vui hoặc buồn.
	5 tuổi: Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em. (cs100)	

MT118	4 tuổi: Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.	- Thể hiện nét mặt, vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc.
	5 tuổi: Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (cs101)	
MT119	4 tuổi: Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Sử dụng nhiều loại vật liệu để làm ra 1 loại sản phẩm.
	5 tuổi: Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. (cs102)	
MT120	4 tuổi: Nói tên ý tưởng tạo hình của mình.	- Đặt tên cho sản phẩm - Trả lời được câu hỏi con vẽ / nặn / xé dán cái gì? Tại sao con làm như thế?
	5 tuổi: Nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (cs103)	

LÁ GHÉP 3 ĐỘ TUỔI

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển thể chất		
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.		
MT1	3 tuổi: Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	Hô hấp: Hít vào, thở ra Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước,
	4 tuổi: Thực hiện đúng, đầy	sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay,

	<p>đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.</p>	<p>quay cổ tay, kiễng chân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Co và duỗi tay, kết hợp kiễng chân, hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. <p>Lung, bụng, lườn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. - Nghiêng người sang hai bên kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. <p>Chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Nhảy lên đưa hai chân sang ngang, nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động		
MT2	3 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bật- nhảy.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục về phía trước. - Bật khép chân qua 5- 7 ô. - Bật tách chân, khép chân qua 5- 7 ô.
	4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bật.	
	5 tuổi: Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.	
MT3	3 tuổi: Trẻ biết bật tại chỗ.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật qua vật cản 10-15cm. - Bật qua vật cản cao 15-20cm.
	4 tuổi: Bật qua vật cản 10-15cm.	
	5 tuổi: Bật qua vật cản 15-20cm.	
MT4	3 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Khi ném mắt nhìn thẳng - Dùng lực để ném xa

	ném.	- Ném xa bằng 1 tay.
	4 tuổi: Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.	- Ném xa bằng 2 tay.
	5 tuổi: Thực hiện vận động ném xa bằng 1 tay, 2 tay	
MT5	3 tuổi: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối.
	4 tuổi: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	- Đi trên dây (dây đặt trên sàn).
	5 tuổi: Thực hiện vận động đi.	- Đi nổi bàn chân tiến lùi. - Đi thay đổi tốc độ hướng đích đặc theo hiệu lệnh.
MT6	3 tuổi: Trẻ biết ném trúng đích đứng (xa 1,2m x cao 1,0m)	- Ném trúng đích nằm ngang.
	4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném.	- Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 2 tay.
	5 tuổi: Thực hiện vận động ném trúng đích	- Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).
MT7	3 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bò.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m.
	4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bò.	- Bò đích đặc qua 7 điểm.
	5 tuổi: Thực hiện vận động bò.	- Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.-
MT8	3 tuổi: Phối hợp tay- mắt trong vận động tung – bắt bóng.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng.
	4 tuổi: Phối hợp tay- mắt trong vận động tung bắt bóng.	- Tung, đập bắt bóng tại chỗ.
	5 tuổi: Thực hiện vận động tung bóng.	- Chuyển và bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT9	3 tuổi: Bật xa 20 – 25 cm.	- Bật xa 20 – 25 cm.
	4 tuổi: Bật xa 35 - 40cm.	- Bật xa 35 - 40cm.
	5 tuổi: Bật xa tối thiểu 50(cs1)	- Bật xa tối thiểu 50 cm.
MT10	3 tuổi: Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 20 - 25cm).	- Nhảy xuống từ độ cao 20-25cm.
		- Nhảy xuống từ độ cao 30-35cm.

	4 tuổi: Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 35 cm).	- Nhảy xuống từ độ cao 40cm.
	5 tuổi: Nhảy xuống từ độ cao 40cm. (cs2)	
MT11	3 tuổi: Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa tối thiểu 2m	- Ném bóng bằng hai tay cho người đối diện. - Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 3- 4m
	4 tuổi: Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 2-3m	
	5 tuổi: Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m (cs3)	
MT12	3 tuổi: Tự cài, cởi cúc.	- Mặc áo đúng cách, 2 tà không bị lệch nhau. - Cài và mở được hết các cúc áo. - Tự mặc và cởi được quần áo. Để vào nơi quy định.
	4 tuổi: Tự cài, cởi cúc quần áo	
	5 tuổi: Tự mặc và cởi quần áo. (cs5)	
MT13	3 tuổi: Trẻ biết nhảy lò cò theo hướng dẫn.	- Nhảy lò cò 3m. - Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục về phía trước. - Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân luân phiên khi có yêu cầu. - Không dừng lại hoặc không bị ngã khi đổi chân.
	4 tuổi: Nhảy lò cò 3m.	
	5 tuổi: Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (cs9)	
MT14	3 tuổi: Biết tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Đập bóng tại chỗ. - Đập và bắt bóng được bằng hai tay.
	4 tuổi: Đập bóng tại chỗ.	
	5 tuổi: Đập và bắt bóng được bằng hai tay (cs10)	
MT15	3 tuổi: Trẻ biết bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn theo hướng dẫn.	- Đi trên ghế thể dục - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)
	4 tuổi: Đi trên ghế thể dục	
	5 tuổi: Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)	

	(cs11)	
MT16	3 tuổi: Trẻ biết chạy liên tục theo hướng thẳng 10 m trong 10 giây.	- Chạy 10 m trong 10 giây. - Chạy được 15 mét trong vòng 10 giây
	4 tuổi: Chạy 15m trong 10 giây.	- Chạy được 18 mét trong vòng 5 - 7 giây.
	5 tuổi: Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây (cs12)	
MT17	3 tuổi: Chạy chậm theo hướng thẳng 60 - 80m theo hướng dẫn.	- Chạy với tốc độ chậm, đều. Phối hợp tay chân nhịp nhàng. - Chạy chậm khoảng 60-120m.
	4 tuổi: Chạy chậm 60- 80 m.	- Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian.
	5 tuổi: Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian (cs13)	
c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt.		
MT18	3 tuổi: Thực hiện được một số vận động: Cuộn, xoay tròn cổ tay.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn.
	4 tuổi: Thực hiện được các vận động: Cuộn, xoay tròn cổ tay.	- Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét.
	5 tuổi: Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.	- Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya) khâu dây giày, quai dép, luồn, buộc dây.
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
a. Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.		
MT19	3 tuổi: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc.	- Biết tên một số món ăn hàng ngày, kể được tên một số thức ăn có trong bữa ăn hàng ngày.
	4 tuổi: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Phân biệt các thức ăn theo nhóm (nhóm bột đường, nhóm chất đạm, nhóm chất béo, nhóm vitamin và muối khoáng).
	5 tuổi: Kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	

	(cs19)	
MT20	3 tuổi: Biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Trẻ biết một số nhóm thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá, trứng có nhiều chất đạm - Rau, quả chín có nhiều vitamin...
	4 tuổi: Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
	5 tuổi: Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống sôi để khỏe mạnh; không uống nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì, không có lợi cho sức khỏe. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống như: Luộc, nấu cơm, kho...
b. Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.		
MT 21	3 tuổi: Tập rửa tay bằng xà phòng.	Trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh: - Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng khi tay bẩn.
	4 tuổi: Tự rửa tay bằng xà phòng	- Rửa tay đúng cách không làm ướt quần áo.
	5 tuổi: Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (cs15)	- Rửa tay sạch bằng xà bông.
MT22	3 tuổi: Làm quen với cách đánh răng, lau mặt.	- Sau khi ăn hoặc lúc ngủ dậy: - Tự chải răng rửa mặt.
	4 tuổi: Tập đánh răng, lau mặt.	- Không vẩy nước ra ngoài, không làm ướt quần áo.
	5 tuổi: Tự rửa mặt và chải răng hằng ngày. (cs16)	- Rửa mặt chải răng bằng nước sạch.
MT23	3 tuổi: Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở	- Tập luyện kỹ năng đánh răng. - Kỹ năng lau mặt.
	4 tuổi: Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Kỹ năng rửa tay bằng xà phòng. - Kỹ năng đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch.
	5 tuổi: Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.	- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bản để vào nơi quy định.

MT24	3 tuổi: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chải tóc, vuốt tóc khi bù rối. - Sửa lại quần áo khi bị xô xệch.
	4 tuổi: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.	
	5 tuổi: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (cs18)	
c. Có một số hành vi, thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT25	3 tuổi: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Có một số hành vi và thói quen tốt mời cô mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ, - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Có hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh. Vệ sinh răng miệng. Ra nắng đội mũ, đi tắt mặt áo ấm khi trời lạnh, bỏ đúng nơi quy định, không nhỏ bậy ra lớp.
	4 tuổi: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	
	5 tuổi: Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.	
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.		
MT26	3 tuổi: Biết tránh nơi nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được nơi bẩn và sạch. - Phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ / ao / sông / suối/ vực/ ổ điện...) và không nguy hiểm. - Chơi ở nơi sạch và an toàn.
	4 tuổi: Biết tránh một số nơi nguy hiểm.	
	5 tuổi: Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm (cs23)	
MT27	3 tuổi: Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã, chảy máu.. - Biết tránh 1 số trường hợp không an toàn: - Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt rủ đi chơi. - Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn và cô giáo... - Biết địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia
	4 tuổi: Biết tránh một số trường hợp không an toàn.	
	5 tuổi: Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.	

		đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
MT28	3 tuổi: Biết gọi người lớn khi cần giúp đỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục cho trẻ không uống nước lã ảnh hưởng đến sức khỏe (đau bụng, ỉa chảy). Uống nước đã đun sôi để nguội... - Không ăn các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi/chua/có màu lạ. Ví dụ các thức ăn ôi thiu, rau quả khi chưa rửa sạch... - Giáo dục trẻ không nên ăn quá nhiều bánh kẹo, nước uống có ga. - Nhận biết được 1 số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: Khi gặp nguy hiểm: Bị đánh, bị ngã, bị thương, chảy máu, ... - Kêu cứu - Gọi người lớn. - Nhờ bạn gọi người lớn. - Chạy khỏi nơi nguy hiểm.
	4 tuổi: Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.	
	5 tuổi: Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. (cs25)	
II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá khoa học		
MT29	3 tuổi: Trẻ biết gọi tên một số cây cối, con vật gần gũi theo đặc điểm chung	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên các con vật/cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung của 3 (hoặc 4) con vật/cây. - Đặt tên cho nhóm những con/cây này bằng từ khái quát thể hiện đặc điểm chung.
	4 tuổi: Đặc điểm bên ngoài của cây cối, con vật, hoa, quả gần gũi.	
	5 tuổi: Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung (cs92)	
MT30	3 tuổi: Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> Gọi tên từng giai đoạn phát triển của đối tượng (cây/con) thể hiện trên tranh ảnh. - Sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển.
	4 tuổi: Biết được sự lớn lên	

	<p>của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên</p> <p>5 tuổi: Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên (cs93).</p>	<p>sự thay đổi của cây cối, con vật, hiện tượng tự nhiên (Ví dụ: búp, lá non, lá già, lá vàng....)</p>
MT31	<p>3 tuổi: Trẻ gọi tên các mùa trong năm nơi trẻ sống;</p>	<p>- Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của mùa đó.</p>
	<p>4 tuổi: Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt nơi trẻ sống</p>	<p>- Nêu được khác biệt cơ bản giữa hai mùa (hè với đông; mùa mưa với mùa khô).</p>
	<p>5 tuổi: Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.(cs94)</p>	
MT32	<p>3 tuổi: Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</p>	<p>- Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo.</p> <p>- Giải thích dự đoán của mình.</p>
	<p>4 tuổi: Nói được đặc điểm của một số hiện tượng tự nhiên đơn giản</p>	
	<p>5 tuổi: Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (cs95)</p>	
MT33	<p>3 tuổi: Phân loại các đồ dùng thông thường theo 1 dấu hiệu nổi bật.</p>	<p>- Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày</p>
	<p>4 tuổi: Phân loại được đồ dùng, đồ chơi theo 1- 2 dấu hiệu</p>	<p>- Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng/chất liệu của 3 (hoặc 4) đồ dùng.</p>
	<p>5 tuổi: Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. (cs96)</p>	<p>- Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu</p>
MT34	<p>3 tuổi: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự hướng dẫn của cô giáo.</p>	<p>Trẻ có một trong những biểu hiện:</p> <p>- Hay phát biểu khi học.</p> <p>- Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin.</p>

	<p>4 tuổi: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo.</p> <p>5 tuổi: Hay đặt câu hỏi(cs112)</p>	- Tập trung chú ý trong khi học.
MT35	<p>3 tuổi: Trẻ thích khám phá các sự vật, hiện tượng gần gũi xung quanh.</p>	Trẻ có một trong những biểu hiện: - Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới)
	<p>4 tuổi: Trẻ biết một số sự vật hiện tượng xung quanh quen thuộc</p>	- Hay hỏi về những thay đổi / mới xung quanh. - Hay đặt câu hỏi “Tại sao?”
	<p>5 tuổi: Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. (cs113)</p>	- Có thể có những hứng thú riêng (thích ô tô/ thích robot, thích búp bê...)
MT36	<p>3 tuổi: Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p>	- Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.
	<p>4 tuổi: Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.</p>	- Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.
	<p>5 tuổi: Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.</p>	
MT37	<p>3 tuổi: Biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p>	+ Làm thí nghiệm đơn giản để tìm hiểu đặc điểm, tính chất của một vài sự vật hiện tượng gần gũi: trứng chìm trứng nổi, sự bốc hơi của nước... + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
	<p>4 tuổi: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự</p>	+ Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo.

	đoán, quan sát, so sánh.	
	5 tuổi: Trẻ biết làm thí nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi so sánh sự phát triển.	
2. Khám phá xã hội		
MT38	3 tuổi: Kể tên và nói được sản phẩm một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	- Trẻ kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống; Sản phẩm của nghề đó, công cụ để làm nghề đó. Ví dụ: Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới.
	4 tuổi: Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	
	5 tuổi: Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (cs98)	
MT39	3 tuổi: Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng khi được hỏi, trò chuyện	Nói được những thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như: + Thông tin về trường lớp: Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô chú trong trường. + Họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình. + Địa chỉ nhà (số nhà, tên phố/ làng xóm). + Số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ (nếu có)...
	4 tuổi: Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng khi được hỏi, trò chuyện	
	5 tuổi: Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.	
MT40	3 tuổi: Kể tên một vài lễ hội, danh lam thắng cảnh ở địa phương	- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. VD: ngày quốc khánh (2- 9) các gia đình đều phải treo cờ, các con được
	4 tuổi: Nhận biết một số lễ	

	<p>hội, cờ tổ quốc và danh lam thắng cảnh ở địa phương.</p> <p>5 tuổi: Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.</p>	<p>nghỉ học...Ngày 15/ 8 âm lịch là ngày tết trung thu các em thiếu nhi được xem múa lân, được đi rước đèn, phá cỗ...</p> <p>- Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.</p>
3. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
MT41	3 tuổi: So sánh, sắp xếp theo quy tắc.	<p>- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.</p> <p>- Tạo ra quy tắc sắp xếp.</p>
	4 tuổi: So sánh, sắp xếp theo quy tắc.	
	5 tuổi: So sánh, sắp xếp theo quy tắc.	
MT42	3 tuổi: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	<p>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</p> <p>- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.</p> <p>- Gộp / tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.</p> <p>- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại...)</p>
	4 tuổi: Đếm trên đối tượng phạm vi 10	
	5 tuổi: Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.	
MT43	3 tuổi: So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau.	<p>- Đặt thước đo liên tiếp.</p> <p>- Nói đúng kết quả đo (Ví dụ bằng, 5 bước chân, 4 cái thước)</p>
	4 tuổi: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	
	5 tuổi: Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo (cs106)	
	3 tuổi: Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng theo	Sử dụng dụng cụ đo, đong liên tiếp. Nói đúng kết quả đong đo (Ví dụ bằng 5 cốc 6 chai...)

MT44	hướng dẫn.	
	4 tuổi: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	
	5 tuổi: Sử dụng một số dụng cụ để đo đong và so sánh, nói kết quả	
MT45	3 tuổi: Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc / kích thước khác nhau khi nghe gọi tên.
	4 tuổi: Chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa hai hình (hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật)	- Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình hình học theo yêu cầu (ví dụ: Quả bóng có dạng hình cầu, cái tủ hình khối chữ nhật v..v..)
	5 tuổi: Chỉ khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu. (cs107)	
MT46	3 tuổi: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nói được vị trí của 1 vật so với 1 vật khác trong không gian. (ví dụ: Cái tủ ở bên phải cái bàn, cái ảnh ở bên trái cái bàn v..v..)
	4 tuổi: Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới phía phải - phía trái)	- Nói được vị trí của các bạn so với nhau khi xếp hàng tập thể dục (ví dụ: Bạn Nam đứng ở bên trái bạn Lan và bên phải bạn Tuấn v..v..)
	5 tuổi: Xác định vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác. (cs108)	- Đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu (Ví dụ: Đặt búp bê lên trên giá đồ chơi, đặt quả bóng ở bên phải của búp bê...)
MT47	3 tuổi: Nhận ra được các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày theo sự giúp đỡ của cô.	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày theo sự giúp đỡ của cô như: buổi sáng từ 6-10h; trưa từ 11h-13h; buổi chiều 13h30-17h, tối từ 18h...
	4 tuổi: Mô tả các sự kiện xảy	

	ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó.
	5 tuổi: Trẻ biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự vật hiện tượng hàng ngày (CS 110)	- Giải thích bằng mẫu câu “Tại vì... nên...”
MT48	3 tuổi: Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra quy luật sắp xếp (hình ảnh, âm thanh, vận động...)
	4 tuổi: Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- Tiếp tục đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại.
	5 tuổi: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc (cs116)	- Nói tại sao lại sắp xếp như vậy.
MT49	3 tuổi: Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát theo khả năng	- Dựa trên bài hát / câu chuyện quen thuộc thay 1 từ hoặc 1 cụm từ (Ví dụ: Hát “Mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”).
	4 tuổi: Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát theo khả năng	
	5 tuổi: Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát. (cs117)	
MT50	3 tuổi: Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua một số hoạt động	- Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi. - Xây dựng các “công trình” từ những khối xây dựng khác nhau. - Có những vận động minh họa / múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô....
	4 tuổi: Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động	
	5 tuổi: Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. (cs119)	
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói - Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày – Làm quen với việc đọc- viết		
MT51	3 tuổi: Nhận ra được một số	- Nhận ra thái độ khác nhau (âu yếm,

	sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	vui vẻ hoặc cáu giận) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói.
	4 tuổi: Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện. - Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại một sự kiện.
	5 tuổi: Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi. (cs61)	- Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói.
MT52	3 tuổi: Hiểu nghĩa của các từ gần gũi	- Kể được tên các loại vật nuôi trong gia đình, các loại rau, các loại quả,.. khi có yêu cầu.
	4 tuổi: Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật,...	- Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem tranh vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) nào đó.
	5 tuổi: Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi. (cs63)	Ví dụ: Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, tách (li/ chén) và chỉ vào các đồ vật đó, nói: “Đây là cái cốc, ca, tách (li/ chén. Tất cả được gọi chung là đồ dùng để uống.”; Sau đó hỏi trẻ: - Con cá, con cua, con ốc được gọi chung là gì? - Quả cam, quả chuối, quả đu đủ được gọi chung là gì? - Con chó, con mèo, con gà được gọi chung là gì? - Cái bút, quyển sách, cái cặp được gọi chung là gì?” - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác. (Chó là một con vật có bốn chân)..

MT53	3 tuổi: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Nói được tên, hành động của các nhân vật, tình huống trong câu chuyện
	4 tuổi: Nghe hiểu nội dung truyện kể, đọc truyện phù hợp với độ tuổi.	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
	5 tuổi: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.(cs64)	- Thể hiện sự hiểu biết về nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao... đã nghe biểu hiện qua khả năng phản ứng phù hợp với các câu hỏi của giáo viên và qua các hoạt động vẽ, đúng kịch, hát, vận động và kể lại chuyện theo đúng trình tự...
MT54	3 tuổi: Nói rõ các tiếng.	- Phát âm đúng và rõ ràng.
	4 tuổi: Nói rõ để người nghe hiểu được.	- Diễn đạt ý tưởng; trả lời được theo ý của câu hỏi
	5 tuổi: Nói rõ ràng. (cs65)	-Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.
MT55	3 tuổi: Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn giản trong giao tiếp.	- Sử dụng nhiều danh từ, tính từ hay liên từ...khác nhau, những từ thông dụng và các loại câu đơn và câu đơn mở rộng để diễn đạt ý.
	4 tuổi: Sử dụng các loại câu đơn giản trong giao tiếp.	- Dùng các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh (câu nếu... thì...; bởi vì...; tại vì...;) trong giao tiếp hàng ngày.
	5 tuổi: Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. (cs67)	- Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi (để làm gì? Tại sao? Vì sao?...) - Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân, mục đích, so sánh, phân loại...
MT56	3 tuổi: Trẻ có thể dùng lời nói để bày tỏ một số cảm xúc, nhu cầu của mình	- Trẻ có thể dùng nhiều phương tiện khác nhau như từ, các loại câu, hình ảnh, chữ viết, âm nhạc, vận động và hành động để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của mình
	4 tuổi: Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ một số cảm xúc, nhu cầu của bản thân;	rõ ràng, mạch lạc để người khác hiểu

	<p>5 tuổi: Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (cs68)</p>	<p>được ý của bản thân..</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể dùng ngôn ngữ để tự diễn đạt và cố gắng làm cho người khác hiểu được cảm xúc của bản thân. - Đưa ra được những gợi ý, tham gia thoả thuận, trao đổi, hợp tác, chỉ dẫn bạn bè và người khác. - Khi nói, trẻ biết sử dụng sự diễn đạt thích hợp (cười, cau mày...), những cử chỉ đơn giản (vỗ tay, gật đầu...) để diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ của bản thân.
MT57	<p>3 tuổi: Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong một số hoạt động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi bằng lời nói để thống nhất đề xuất trong suốt cuộc chơi với bạn (VD: trao đổi để đi đến quyết định xây dựng một công viên bằng các hình khối, hoặc chuyển đổi vai chơi...) - Hướng dẫn bạn đang cố gắng giải quyết một vấn đề nào đó VD: hướng dẫn bạn xếp hình trong nhóm chơi hay lựa chọn màu bút chì để tô các chi tiết của bức tranh. - Hợp tác trong quá trình hoạt động, các ý kiến không áp đặt hoặc dùng vũ lực bắt bạn phải thực hiện theo ý mình.
	<p>4 tuổi: Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.</p>	
	<p>5 tuổi: Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. (cs69)</p>	
MT58	<p>3 tuổi: Kể về một sự việc, hiện tượng quen thuộc để người khác hiểu được dưới sự hướng dẫn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói đầy đủ tình tiết sự việc theo trình tự lôgic nhất định. - Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh. - Miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân.
	<p>4 tuổi: Kể về một sự việc, hiện tượng quen thuộc để người khác hiểu được.</p>	
	<p>5 tuổi: Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được. (cs70)</p>	
MT59	<p>3 tuổi: Kể lại một vài tình tiết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại chuyện đã được nghe cho bố

	<p>của truyện đã được nghe</p> <p>4 tuổi: Kể lại chuyện đã được nghe</p> <p>5 tuổi: Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (cs71)</p>	<p>mẹ hoặc bạn và vào các trang của chuyên theo đúng trình tự.</p> <p>- Trẻ hiểu được các yếu tố của một câu chuyện như các nhân vật, thời gian, địa điểm, phần kết và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc chuyện đó.</p> <p>- Thích thú sáng tạo chuyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.</p>
MT60	<p>3 tuổi: Tham gia vào cuộc trò chuyện</p> <p>4 tuổi: Tham gia vào cuộc trò chuyện</p> <p>5 tuổi: Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. (cs72)</p>	<p>- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh.</p> <p>- Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác</p> <p>- Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (nói một câu hoặc hỏi câu hỏi).</p> <p>- Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ và hợp tác với bạn bè.</p>
MT61	<p>3 tuổi: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp khi có nhắc nhở.</p> <p>4 tuổi: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp khi có nhắc nhở.</p> <p>5 tuổi: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. (cs73)</p>	<p>- Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, nơi công cộng, khi người khác đang làm việc. Không nói to, vui đùa khi có người buồn, bị mệt</p> <p>- Trẻ nói với một giọng điệu và tốc độ thích hợp, giao tiếp và đàm thoại với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện.</p>
MT62	<p>3 tuổi: Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại</p> <p>4 tuổi: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.</p>	<p>- Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói.</p> <p>- Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt.</p> <p>- Khi nghe kể chuyện, trẻ có thể lắng</p>

	5 tuổi: Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. (cs74)	nghe người kể một các chăm chú và yên lặng trong một khoảng thời gian. - Trẻ rất chú ý lắng nghe người nói và phản ứng lại bằng nụ cười, gật đầu như dấu hiệu của sự hiểu biết.
MT63	3 tuổi: Không nói leo	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt.
	4 tuổi: Không nói leo, không ngắt lời người khác.	- Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác...
	5 tuổi: Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện. (cs75)	- Trẻ thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong.
MT64	3 tuổi: Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh của một số tình huống giao tiếp	- Dùng câu hỏi để hỏi lại. Tại sao? Như thế nào? Nghĩa là gì?...
	4 tuổi: Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	- Có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu. - Nhún vai, nghiêng đầu, nhíu mày... ý muốn làm rõ một thông tin khi mà không hiểu.
	5 tuổi: Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (cs76)	
MT65	3 tuổi: Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như: tạm biệt, xin chào, cảm ơn....
	4 tuổi: Sử dụng các từ lễ phép trong giao tiếp.	
	5 tuổi: Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. (cs77)	
MT66	3 tuổi: Không nói tục chửi bậy	- Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào.
	4 tuổi: Không nói tục chửi bậy.	

	5 tuổi: Không nói tục chửi bậy. (cs78)	
MT67	3 tuổi: Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	- Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách. - Thường xuyên bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe,..
	4 tuổi: Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	- Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp.
	5 tuổi: Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (cs79)	- Chú ý đến hành động viết của người lớn (hỏi khi thấy người lớn viết). - Quan tâm, hỏi về chữ viết trong sách, báo, hàng hoá, bảng biểu... và cố gắng tìm kiếm thông tin về nghĩa của chữ viết ở xung quanh. - Quan tâm đến việc viết, thích sao chép lại những câu và những từ vựng đơn giản; Trẻ thích sử dụng các dụng cụ viết, vẽ để viết vào giấy một cách thoải mái.
MT68	3 tuổi: Thể hiện sự thích thú với sách.	- Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện, ‘làm sách’,...
	4 tuổi: Thể hiện sự thích thú với sách.	- Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể
	5 tuổi: Thể hiện sự thích thú với sách. (cs80)	chuyện theo sách ở lớp (VD: Khi người lớn bắt đầu đọc sách, trẻ có thể tạm dừng việc khác và vui thích tham gia vào hoạt động đọc sách cùng người lớn. - Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách, đọc, kể chuyện. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe đọc.
MT69	3 tuổi: Giữ gìn sách	- Để sách đúng nơi qui định.
	4 tuổi: Giữ gìn, bảo vệ sách	- Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy,

	5 tuổi: Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (cs81)	xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách. - Có thái độ tốt đối với sách. (Buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...)
MT70	3 tuổi: Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	- Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu...để thay thế cho lời nói.
	4 tuổi: Nhận dạng một số chữ cái.	- Hiểu rằng chữ viết có một ý nghĩa nào đấy, con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau (VD: khi mẹ nhận được thiệp chúc mừng năm mới, trẻ hỏi “Thiệp viết gì đấy”).
	5 tuổi: Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. (cs86)	- Hiểu rằng chữ viết thể hiện các từ, câu của lời nói, một từ nói ra có thể viết được bằng ký hiệu chữ viết. - Nhận biết được từ trong văn bản, các từ cách nhau một khoảng trống.
MT71	3 tuổi: Trẻ biết sử dụng kí hiệu để viết: tên, thiệp chúc mừng khi được hướng dẫn.	- Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác.
	4 tuổi: Trẻ biết sử dụng kí hiệu để viết: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ
	5 tuổi: Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (cs87)	- Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ. - Thể hiện sự cố gắng tự mình viết ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng, những hình mẫu ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân.

MT72	3 tuổi: Trẻ biết tô, đồ chữ cái theo khả năng.	- Cầm bút viết và ngồi viết đúng cách. - Biết sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các ký hiệu biểu đạt ý tưởng hay một thông tin nào đấy. Nói cho người khác biết ý nghĩa của các ký hiệu đó.
	4 tuổi: Trẻ biết tô, đồ chữ cái theo khả năng.	
	5 tuổi: Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. (cs88)	- Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày.
MT73	3 tuổi: Sao chép tên của bản thân theo khả năng	- Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động
	4 tuổi: Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động	- Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ. - Sau khi vẽ tranh, viết tên của mình
	5 tuổi: Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình. (cs89)	phía dưới theo cách mà mình thích (bằng chữ in, bằng chữ thường viết đầy đủ hoặc chỉ có một chữ cái đầu hoặc trang trí vào tên của mình khi viết ra...
MT74	3 tuổi: Chỉ được tiếng trong trang sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.	- Chỉ được tiếng trong trang sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. - Lấy một quyển sách và yêu cầu trẻ chỉ xem câu chuyện được bắt đầu từ đâu. Trẻ chỉ vào sách từ trên xuống dưới, từ trái qua phải và lật giở các trang từ phải qua trái.
	4 tuổi: Biết hướng viết của các nét chữ;	
	5 tuổi: Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. (cs90)	
MT75	3 tuổi: Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	- Nhận biết được các chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hàng ngày.
	4 tuổi: Nhận dạng một số chữ cái đơn giản.	- Nhận được một số chữ cái trên các bảng hiệu cửa hàng.
	5 tuổi: Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (cs91)	- Biết rằng mỗi chữ cái có tên, hình dạng và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT76	3 tuổi: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được những thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như: + Họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình. + Địa chỉ nhà (số nhà, tên phố/ làng xóm). + Số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ (nếu có)... + Biết mình là con, anh chị em trong gia đình.
	4 tuổi: Nói được một số thông tin đơn giản: tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	
	5 tuổi: Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. (cs27)	
MT77	3 tuổi: Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chọn và giải thích được lí do chọn trang phục phù hợp với thời tiết: (Nóng, lạnh, khi trời mưa...) - Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy. - Bạn trai sẵn sàng giúp đỡ bạn gái trong những việc nặng hơn khi được đề nghị.
	4 tuổi: Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	
	5 tuổi: Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. (cs28)	
MT78	3 tuổi: Nói được điều bé thích, không thích.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được những việc mà mình có thể làm được, không thể làm được và giải thích được lí do (ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia, nhưng con không thể bê được cái bàn này vì nó nặng lắm/ vì con còn bé quá.....) - Nói được sở thích của bản thân: VD. Con thích chơi bán hàng, thích đá bóng thích nghe kể chuyện...
	4 tuổi: Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân.	
	5 tuổi: Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. (cs29)	
MT79	3 tuổi: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu hoặc chọn lựa được các trò chơi, hoạt động mà mình thích (ví dụ: nêu trò chơi hay hoạt động mà mình thích khi được hỏi, ...)
	4 tuổi: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	
	5 tuổi: Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân. (cs30)	
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		

MT80	3 tuổi: Cố gắng hoàn thành công việc được giao.	<ul style="list-style-type: none"> - Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối. - Nhanh chóng triển khai công việc. - Không tỏ ra chán nản, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao.
	4 tuổi: Cố gắng hoàn thành công việc được giao.	
	5 tuổi: Cố gắng thực hiện công việc đến cùng. (cs31)	
MT81	3 tuổi: Thích thú khi làm xong sản phẩm	Trẻ có biểu hiện một trong những dấu hiệu: <ul style="list-style-type: none"> - Khi làm xong một sản phẩm, trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía, nâng niu, vuốt ve. - Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác. - Cát cẩn thận sản phẩm.
	4 tuổi: Thích thú khi làm xong sản phẩm, giữ gìn sản phẩm.	
	5 tuổi: Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. (cs32)	
MT82	3 tuổi: Trẻ biết làm một số công việc đơn giản hằng ngày khi được hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự thực hiện hoạt động mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người lớn: + Tự cất dọn đồ chơi sau khi chơi. + Tự rửa tay trước khi ăn. + Tự treo, gấp khăn, gấp áo quần. + Tự chuẩn bị đồ dùng/ đồ chơi cần thiết cho hoạt động. + Tự xem bảng phân công trực nhật và thực hiện cùng các bạn.
	4 tuổi: Làm một số công việc tự phục vụ đơn giản hằng ngày theo các anh chị.	
	5 tuổi: Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày. (cs33)	
MT83	3 tuổi: Trẻ biết nêu ý kiến khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu ý kiến hoặc trả lời các câu hỏi của người khác một cách tự tin, rõ ràng, tự nhiên, lưu loát, không sợ sệt, rụt rè, e ngại.
	4 tuổi: Nói để người khác hiểu được mong muốn của bản thân.	
	5 tuổi: Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. (cs34)	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
MT84	3 tuổi: Biết biểu lộ một số cảm xúc : vui ,buồn, sợ hãi, tức	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân:

	<p>giận, ngạc nhiên</p> <p>4 tuổi: Biết biểu lộ một số cảm xúc : vui ,buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên</p> <p>5 tuổi: Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt. (cs36)</p>	Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ.
MT85	3 tuổi: Yêu mến quan tâm đến người thân và bạn bè.	- An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ.
	4 tuổi: Yêu mến quan tâm đến người thân và bạn bè.	- Chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật.
	5 tuổi: Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. (cs37)	- Hoan hô, cổ vũ... khi bạn chiến thắng trong cuộc thi nào đó.
MT86	3 tuổi: Thể hiện sự thích thú trước một số cái đẹp cụ thể gần gũi.	- Nhận ra được cái đẹp.
	4 tuổi: Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Thể hiện sự thích thú như reo hò, khen ngợi, xuýt xoa, ngắm nghía trước cái đẹp.
	5 tuổi: Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp. (cs38)	
MT87	3 tuổi: Thích chăm sóc cây cối, con vật thân thuộc	- Thích chăm sóc cây hàng ngày, luôn quan tâm theo dõi đến sự phát triển của cây.
	4 tuổi: Thích chăm sóc cây cối, con vật thân thuộc	- Vui vẻ nhận công việc tưới cây, cho con vật thân thuộc ăn .
	5 tuổi: Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc. (cs39)	
MT88	3 tuổi: Thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Biết nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người khác đang nghỉ hay bị ốm
	4 tuổi: Biết biểu lộ một số cảm xúc; vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt cử chỉ giọng nói, tranh ảnh.	- Giữ thái độ chú ý trong giờ học.
	5 tuổi: Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với	- Vui vẻ, hào hứng đối với các sự kiện tổ chức ở nhà và trường: sinh nhật, ngày hội... - Buồn khi phải chia tay với bạn bè, cô giáo khi ra trường.

	hoàn cảnh. (cs40)	
MT89	3 tuổi: Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích với sự hướng dẫn của người lớn.	- Biết trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,...) với sự giúp đỡ của người lớn.
	4 tuổi: Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực (khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hàng ngày.
	5 tuổi: Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. (cs41)	
MT90	3 tuổi: Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi.	- Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm.
	4 tuổi: Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi.	- Được mọi người trong nhóm tiếp nhận.
	5 tuổi: Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi. (cs42)	- Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái.
MT91	3 tuổi: Trẻ nói chuyện với bạn và người lớn gần gũi.	- Chủ động đến nói chuyện.
	4 tuổi: Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.	- Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi.
	5 tuổi: Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi. (cs43)	
MT92	3 tuổi: Trẻ biết chia sẻ đồ chơi với bạn.	- Kể chuyện cho bạn về chuyện vui, buồn của mình.
	4 tuổi: Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi.	- Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm.
	5 tuổi: Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. (cs44)	- Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.
MT93	3 tuổi: Trẻ biết giúp đỡ khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.	- Chủ động giúp bạn khi nhìn thấy bạn cần sự giúp đỡ.
	4 tuổi: Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	- Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.

	5 tuổi: Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. (cs45)	
MT94	3 tuổi: Có nhóm bạn cùng chơi	- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau.
	4 tuổi: Có nhóm bạn cùng chơi	
	5 tuổi: Có nhóm bạn chơi thường xuyên. (cs46)	
MT95	3 tuổi: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt. - Không chen ngang, không xô đẩy người khác. - Không tranh giành suất của bạn khác. - Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
	4 tuổi: Biết chờ đến lượt	
	5 tuổi: Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (cs47)	
MT96	3 tuổi: Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Biết lắng nghe ý kiến của bạn: (Nhìn bạn khi giao tiếp, không cắt ngang lời khi bạn đang nói).
	4 tuổi: Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	
	5 tuổi: Lắng nghe ý kiến của người khác. (cs48)	
MT97	3 tuổi: Biết thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn. - Biết dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ. - Biết thỏa thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn.
	4 tuổi: Biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	
	5 tuổi: Trao đổi ý kiến của mình với các bạn (cs49)	
MT98	3 tuổi: Không đánh bạn	- Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn (trước tiên là dùng lời, sau đó là nhờ sự can thiệp của người khác)
	4 tuổi: Không đánh bạn, không giành giật của bạn,	

	không la hét hoặc nằm ăn vạ 5 tuổi: Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè. (cs50)	hoặc chấp nhận sự thoả hiệp). - Đoàn kết với bạn bè .Không đánh bạn, không dành giết của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ.
MT99	3 tuổi: Trẻ nghe theo sự phân công của cô.	- Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. - Nhận và thực hiện vai của mình trong trò chơi cùng nhóm.
	4 tuổi: Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.	
	5 tuổi: Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (cs51)	
MT100	3 tuổi: Trẻ biết thực hiện công việc cùng bạn khi được hướng dẫn	- Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. - Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột.
	4 tuổi: Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác	
	5 tuổi: Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (cs52)	
MT101	3 tuổi: Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.	- Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. - Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột.
	4 tuổi: Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.	
	5 tuổi: Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác. (cs53)	
MT102	3 tuổi: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi	- Biết và thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày: Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn mà không phải nhắc nhở; Nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh
	4 tuổi: Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn.	
	5 tuổi: Có thói quen chào hỏi,	

	cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (cs54)	hưởng đến người khác.
MT103	3 tuổi: Trẻ biết gọi người lớn khi cần giúp đỡ.	- Biết và thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày: Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn mà không phải nhắc nhở; Nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng đến người khác.
	4 tuổi: Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.	
	5 tuổi: Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. (cs55)	
MT104	3 tuổi: Biết nhắc nhở bạn giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa,...)	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa,...) - Mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử với môi trường xung quanh.
	4 tuổi: Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa,...)	
	5 tuổi: Nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. (cs56)	
MT105	3 tuổi: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Thể hiện các hành vi đúng đối với MTXQ trong sinh hoạt hàng ngày như: - Giữ gìn vệ sinh trong lớp, trong nhà trường, ngoài đường. - Không ngắt lá bẻ cành, dẫm đạp lên cây hoa. - Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.
	4 tuổi: Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	
	5 tuổi: Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. (cs57)	
MT106	3 tuổi: Nói được một số khả năng và sở thích của những người gần gũi	- Nói đúng khả năng của một số người gần gũi (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khỏe; mẹ nấu ăn rất ngon.....).
	4 tuổi: Nói được một số khả	

	năng và sở thích của bạn bè và người thân.	
	5 tuổi: Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân. (cs58)	
MT107	3 tuổi: Chấp nhận sự khác nhau giữa mình và các bạn	- Nói đúng khả năng của một số người gần gũi (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khoẻ; mẹ nấu ăn rất ngon.....).
	4 tuổi: Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.	
	5 tuổi: Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình. (cs59)	
MT108	3 tuổi: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử (chỗ ở, nơi làm việc của Bác...) - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
	4 tuổi: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ.	
	5 tuổi: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ.	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT109	3 tuổi: Biết chào hỏi, nói cảm ơn, xin lỗi	- Biết nói lời cảm ơn khi được người khác cho quà, biết nói lời xin lỗi khi mình mắc lỗi, biết sử dụng từ ngữ và cử chỉ lễ phép với người lớn.
	4 tuổi: Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	
	5 tuổi: Biết nói lời nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	
MT110	3 tuổi: Thực hiện một quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	- Sau khi chơi biết cất đồ dùng vào nơi quy định, không làm ồn ào nơi công cộng, vâng lời ông bà bố mẹ, anh chị đi chơi phải xin phép. - Treo, gấp khăn, gấp áo quần đúng nơi quy định. - Xếp bàn ghế đúng nơi quy định - Để giày dép đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định
	4 tuổi: Thực hiện một quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	
	5 tuổi: Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	
V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, và các tác phẩm nghệ thuật.		
MT111	3 tuổi: Biết bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	- Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.
	4 tuổi: Nhận biết và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
	5 tuổi: Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.	
MT112	3 tuổi: Vẽ, tô màu các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Tô màu đều, không chờm ra ngoài nét vẽ.
	4 tuổi: Trẻ biết tô màu, không bị lem ra ngoài đường viền các hình vẽ theo hướng dẫn.	
	5 tuổi: Tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ. (cs6)	
MT113	3 tuổi: Xé, cắt dán giấy theo dải, xé vụn tạo thành bức tranh đơn giản.	- Cắt được hình, không bị rách. - Đường cắt lượn sát theo nét vẽ. - Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.
	4 tuổi: Cắt theo đường thẳng, đường cong ... và dán thành sản phẩm.	
	5 tuổi: Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình	

	đơn giản. (cs7)	
MT114	3 tuổi: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước.	<ul style="list-style-type: none"> - Bôi hồ đều, - Các chi tiết không chồng lên nhau. - Dán hình vào bức tranh phẳng phiu.
	4 tuổi: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước.	
	5 tuổi: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn. (cs8)	
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc, hoạt động tạo hình.		
MT115	3 tuổi: Có một số kỹ năng đơn giản trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	<ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... - Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). - Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm
	4 tuổi: Có một số kỹ năng đơn giản trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
	5 tuổi: Có một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.	
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật.		
MT116	3 tuổi: Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe bản nhạc/ bài hát vui hay buồn gần gũi và nhận ra được bản nhạc/ bài hát nào là vui hoặc buồn.
	4 tuổi: Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	
	5 tuổi: Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc. (cs99)	
MT117	3 tuổi: Hát được một số giai điệu bài hát trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe bản nhạc/ bài hát vui hay buồn gần gũi và nhận ra được bản nhạc/ bài hát nào là vui hoặc buồn.
	4 tuổi: Hát được một số giai điệu bài hát trẻ em	
	5 tuổi: Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em. (cs100)	

MT118	3 tuổi: Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.	- Thể hiện nét mặt, vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc.
	4 tuổi: Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc	
	5 tuổi: Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (cs101)	
MT119	3 tuổi: Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Sử dụng nhiều loại vật liệu để làm ra 1 loại sản phẩm.
	4 tuổi: Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	
	5 tuổi: Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. (cs102)	
MT120	3 tuổi: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm - Trả lời được câu hỏi con vẽ / nặn / xé dán cái gì? Tại sao con làm như thế?
	4 tuổi: Nói tên ý tưởng tạo hình của mình.	
	5 tuổi: Nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (cs103)	

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

TT	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ	TUẦN	THỜI GIAN
1	Trường mầm non (3 tuần)	- Trường mầm non Hoa Hường Dương	1	9/9 đến 13/9/2024
		- Lớp học của bé (Lồng ghép Tết Trung thu)	2	16/9 đến 20/9/2024
		- Đồ dùng, đồ chơi trong và ngoài lớp của bé.	3	23/9 đến 27/9/2024
2	Bản thân	- Tôi là ai	4	30/9 đến 04/10/2024

	(3 tuần)	- Cơ thể tôi	5	7/10 đến 11/10/2024
		- Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh. (Lồng ghép ngày phụ nữ Việt Nam 20/10)	6	14/10 đến 18/10/2024
3	Gia đình (4 tuần)	- Gia đình của bé.	7	21/10 đến 25/10/2024
		- Họ hàng của gia đình bé	8	28/10 đến 01/11/2024
		- Đồ dùng trong gia đình	9	04/11 đến 8/11/2024
		- Nhu cầu của gia đình	10	11/11 đến 15/11/2024
4	Nghề nghiệp (4 tuần)	- Những nghề quanh bé (Lồng ghép Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11)	11	18/11 đến 22/11/2024
		- Nghề dịch vụ	12	25/11 đến 29/11/2024
		- Nghề xây dựng	13	02/12 đến 06/12/2024
		- Nghề sản xuất	14	09/12 đến 13/12/2024
5	Động vật (4 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình. (Lồng ghép ngày thành lập QĐNDVN 22/12)	15	16/12 đến 20/12/2024
		- Động vật sống dưới nước	16	23/12 đến 27/12/2024
		- Động vật sống trong rừng	17	30/12 đến 03/01/2025 (Tết Dương Lịch)
		- Chim và côn trùng	18	06/01 đến 10/01/2025
6	Thực Vật Tết và mùa xuân (4 tuần)	- Cây xanh và môi trường sống	19	13/1 đến 17/1/2025
		- Mùa xuân và tết nguyên đán	20	20/1 đến 24/1/2025
		- Một số loại hoa – quả	21	05/2 đến 7/2/2025
		- Một số loại rau	22	10/2 đến 14/2/2025
Dự kiến nghỉ tết Nguyên Đán từ ngày 27/1- 04/2/2025 (DL)				
7	Giao thông (3 tuần)	- PTGT đường bộ - đường sắt	23	17/2 đến 21/2/2025
		- PTGT đường thủy-Đường hàng không	24	24/2 đến 28/2/2025
		- Luật lệ giao thông. (Lồng ghép ngày quốc tế phụ nữ 8/3)	25	3/3 đến 07/3/2025
8	Hiện tượng tự	- Một số hiện tượng tự nhiên.	26	10/03 đến 14/03/2025
		- Sự kì diệu của nước	27	17/3 đến 21/3/2025

	nhiên (3 tuần)	- Các mùa trong năm.	28	24/3 đến 28/3/2025
9	Quê Hương- Đất nước- Bác Hồ (4 tuần)	- Bác Hồ kính yêu	29	31/3 đến 4/4/2025 (Nghỉ giỗ tổ HV)
		- Quê hương của bé	30	7/4 đến 11/4/2025
		- Đất nước Việt Nam diệu kỳ.	31	14/4 đến 18/4/2025
		- Đắc Nông quê em	32	21/4 đến 25/4/2025
10	Trường tiểu học (3 tuần)	- Trường tiểu học của bé. (Trải nghiệm tham quan trường tiểu học)	33	28/4 đến 2/5/2025 (Nghỉ 30/4, QTLĐ)
		- Bé chuẩn bị tâm thế vào lớp 1	34	05/5 đến 9/5/2025
		- Đồ dùng học tập của bé (Vui tết thiếu nhi 1/6)	35	12/5 đến 16/5/2025

Trên đây là kế hoạch chăm sóc giáo dục của tổ Lá năm học 2024 - 2025. Kính đề nghị BGH nhà trường phê duyệt để tổ Lá có căn cứ tiến hành thực hiện đạt hiệu quả./.

Nơi nhận

BGH (phê duyệt)

GV (t/h)

Lưu: CMT

TỔ TRƯỞNG



Đâu Thị Phương Nhung

BAN GIÁM HIỆU PHÊ DUYỆT



Bùi Thị Thu Hằng